



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

MỤC LỤC

01	THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
02	ĐIỂM NHẤN FPT TELECOM NĂM 2021	05
03	TỔNG QUAN	06
	• Giới thiệu công ty	07
	• Lịch sử hình thành và phát triển	08
	• Ngành nghề kinh doanh	09
	• Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý	13
	• Công ty con	14
	• Giới thiệu Ban lãnh đạo	15
	• Định hướng phát triển	20
04	TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022	21
	• Tình hình tài chính nổi bật 2021	22
	• Báo cáo của Ban điều hành	24
	• Báo cáo của Hội đồng Quản trị	28
	• Kế hoạch năm 2022	29
05	QUẢN TRỊ CÔNG TY	30
	• Hoạt động của Hội đồng Quản trị	31
	• Hoạt động của Ban Kiểm soát	32
	• Quan hệ Nhà đầu tư	33
	• Phát triển bền vững	37
06	BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2021	39



**FPT
TELECOM**

2021

01

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư và Quý Khách hàng!

Thay mặt Hội đồng Quản trị cùng tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, kính chúc Quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Quý Khách hàng sức khỏe và hạnh phúc. Xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của quý vị đã dành cho chúng tôi trong thời gian qua.

Năm 2021 FPT Telecom tiếp tục phát huy sức mạnh từ tinh thần đoàn kết, sáng tạo, linh hoạt trước mọi biến cố và ứng dụng công nghệ trong mọi hoạt động để hạn chế tối đa những ảnh hưởng từ dịch bệnh và bứt phá với nhiều thành tựu quan trọng.

Trong giai đoạn giãn cách xã hội nghiêm ngặt nhất (39 tỉnh thành áp dụng Chỉ thị 16 +), gần 10.000 thành viên FPT Telecom vẫn làm việc xuyên ngày đêm, hỗ trợ đường truyền, thiết bị nhanh chóng cho 18 bệnh viện dã chiến, các khu cách ly, các điểm tiêm chủng...Đội ngũ hỗ trợ từ các phòng ban phối hợp chặt chẽ, luôn trong trạng thái sẵn sàng, hỗ trợ ngay lập tức cho các hộ dân dù trong khu vực phong tỏa. Dù tỷ lệ FO cao nhưng hàng loạt chiến dịch nội bộ, các chương trình hành động đã được triển khai, thúc đẩy hoạt động mạnh mẽ trên các phương diện kinh

doanh, kích thích tinh thần sáng tạo, nâng cao năng suất lao động của mỗi CBNV. Nhiệm vụ duy trì kết nối, đáp ứng nhu cầu liên lạc, làm việc, học tập và giải trí của hàng triệu hộ dân được FPT Telecom đặt lên hàng đầu.

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, FPT Telecom rất tích cực trong các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ Khách hàng và người dân trong vùng dịch. Các hoạt động trao lương thực, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi Covid-19 diễn ra liên tục trên nhiều tỉnh thành toàn quốc.

Song song với việc phát triển sản phẩm chủ lực Internet, FPT Telecom không ngừng đầu tư vào các sản phẩm mới, đón đầu xu hướng và đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khách hàng. Năm vừa qua, FPT Telecom cho ra mắt FPT Play Box S - thiết bị kết hợp giữa TV Box và loa thông minh đầu tiên trên thế giới, tính năng nổi bật là Hands-free Voice Control (điều khiển không chạm). Người dùng có thể điều khiển bằng giọng nói, tương tác với trợ lý ảo Google Assistant, điều khiển các thiết bị thông minh trong nhà bằng tiếng Việt. Với mảng doanh nghiệp, FPT Telecom cho ra mắt sản phẩm FPT Camera SME cung cấp giải pháp an ninh đồng bộ và toàn diện với chi phí tối ưu, giúp doanh nghiệp tăng cường khả năng quản trị, đứng vững trong đại dịch. Ví điện tử Foxpay bùng nổ với 570.000 lượt đăng ký, trung bình có 10.000 Khách hàng sử dụng Ví mỗi tháng. Sự kiện hợp nhất dịch vụ truyền hình FPT Play cùng việc sở hữu bản quyền phát sóng hàng loạt giải đấu uy tín như UEFA Champions League, UEFA Europa League, Vòng loại thứ 3 World Cup 2022... đã đưa thương hiệu FPT Play đến gần hơn với khán giả, đặc biệt là khán giả yêu thể thao. FPT Play liên tục đầu tư về thiết bị và hạ tầng sản xuất nhằm đảm bảo nhịp độ sản xuất tăng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của công chúng.

Hạ tầng và kết nối quốc tế liên

tục được mở rộng, tăng vùng phủ và chất lượng Internet. FPT Telecom tăng cường áp dụng công nghệ, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để gia tăng trải nghiệm cá nhân hóa đến từng Khách hàng. Chương trình Khách hàng Thân thiết cũng được đẩy mạnh với nhiều hoạt động và ưu đãi thiết thực.

Kết quả của sự đúng đắn trong tư duy quản trị, áp dụng công nghệ và năng lực nhân sự thể hiện qua những chỉ số tăng trưởng ấn tượng. Kết thúc năm 2021 Công ty đạt 12.686 tỷ đồng doanh thu thuần và 2.395 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng trưởng lần lượt 10,6% và 15,5% so với năm 2020. Hầu hết các mảng kinh doanh đều có kết quả tăng trưởng so với cùng kỳ, biên lợi nhuận ròng đạt 15,1% và EPS Công ty đạt 4.926 đồng, tăng 14,4% so với năm 2020.

Bước sang năm 2022 - đánh dấu 25 năm thành lập, FPT Telecom sẽ tiếp tục tập trung vào thế mạnh công nghệ song song đẩy mạnh Trải nghiệm Khách hàng và Trải nghiệm Nhân viên, tạo ra môi trường phát triển bền vững. Công ty đặt kế hoạch doanh thu là 14.560 tỷ đồng, tăng trưởng 14,8% so với năm 2021 và lợi nhuận trước thuế là 2.812 tỷ đồng, tăng trưởng 17,4% so với năm 2021. Với niềm tin vào sức mạnh đoàn kết, năng động sáng tạo của tập thể lãnh đạo và CBNV Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, chúng tôi quyết tâm sẽ hoàn thành tốt kế hoạch đề ra.

Rất mong Quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi, hướng đến tương lai, nâng thương hiệu FPT Telecom

Trân trọng!
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HOÀNG NAM TIẾN**

02

ĐIỂM NHẤN FPT TELECOM NĂM 2021



12.686 tỷ

Doanh thu thuần
Tăng trưởng
10,6% YoY



2.395 tỷ

Lợi nhuận trước thuế
Tăng trưởng
15,5% YoY



21.049 tỷ

Tổng tài sản
Tăng trưởng
30,9% YoY



6.289 tỷ

Vốn chủ sở hữu
Tăng trưởng 23,8% YoY



4.926đ/cp

EPS



316

**Văn phòng
và điểm giao dịch**



8.984

**nhân viên
chính thức**



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Giải thưởng "Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tiêu biểu về Chất lượng chăm sóc khách hàng bằng thông rộng cố định" năm thứ ba liên tiếp.



Đoạt Danh hiệu Sao Khuê trong nhiều năm liên tiếp cho các sản phẩm dịch vụ.



Top 10 Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, giải pháp chuyển đổi số với hai sản phẩm tiêu biểu là: Giải pháp họp trực tuyến tích hợp thông minh OnMeeting và Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (AGM - Annual General Meeting).



02 Giải thưởng hạng mục "Giải pháp cho tòa nhà, căn hộ thông minh/ Giải pháp an ninh, an toàn, cấp cứu, cứu nạn" thuộc Giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam 2021 cho sản phẩm: FPT Camera.



Giải vàng tại Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế IBA Stevie 2021 - Hạng mục Sản phẩm mới Quản lý sản phẩm - Lĩnh vực Phương tiện truyền thông và Giải trí (FPT Play Box S).



CÁC CHỨNG CHỈ TIÊU BIỂU





03

TỔNG QUAN VỀ FPT TELECOM

Việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và sức mạnh công nghệ đã giúp FPT Telecom phát triển nội lực và niềm tin để thực thi Chiến lược Đem tới các trải nghiệm tuyệt vời cho khách hàng - **Amazing Customer Experience**, đưa FPT Telecom tiên phong trở thành **Digital Service Provider** có trải nghiệm khách hàng vượt trội, tốt nhất tại Việt Nam.



GIỚI THIỆU CÔNG TY

TÊN CÔNG TY:	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom)
MÃ CHỨNG KHOÁN:	FOX
VỐN ĐIỀU LỆ:	3.283.695.530.000 đồng
GCNĐKDN:	0101778163
TRỤ SỞ CHÍNH:	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
VĂN PHÒNG HÀ NỘI:	Tầng 9, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
VĂN PHÒNG ĐÀ NẴNG:	182 - 184 Đường 2 tháng 9, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
VĂN PHÒNG HỒ CHÍ MINH:	Lô 29A-31A-33A, Tòa nhà FPT, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐIỆN THOẠI:	(84-24) 7300 2222
FAX:	(84-24) 7300 8889
WEBSITE:	www.fpt.vn

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1997

Ngày 31/01/1997 trung tâm FPT Internet (FPT Online Exchange - FOX - tiền thân của FPT Telecom) được thành lập tại Hà Nội với sản phẩm mang trí tuệ Việt Nam.

2001

Ra mắt báo điện tử đầu tiên tại Việt Nam VnExpress.net.

2002

Trở thành nhà cung cấp kết nối Internet IXP (Internet Exchange Provider).

2005

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT (FPT Telecom).

2007

Mở rộng phạm vi hoạt động trên toàn quốc. Trở thành thành viên chính thức của liên minh AAG.

2008

Trở thành nhà cung cấp dịch vụ Internet cáp quang băng rộng (FTTH) đầu tiên tại Việt Nam.

2009

Đạt mốc doanh thu 100 triệu USD.

2012

Hoàn thiện tuyến trục Bắc Nam với tổng chiều dài 4.000 km, đi qua 30 tỉnh thành.

2013

Tham gia cung cấp dịch vụ Truyền hình IPTV với thương hiệu truyền hình FPT.

2014

FPT Telecom có mặt trên đất nước Myanmar. Là một trong những đơn vị dẫn đầu trong chuyển đổi IPv6.

2016

Khai trương Trung tâm dữ liệu chuẩn Uptime TIER III lớn nhất miền Nam. Được cấp phép triển khai thử nghiệm mạng 4G tại Việt Nam.

2017

Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán UPCOM.

Ra mắt gói dịch vụ Internet tốc độ nhanh nhất Việt Nam SOC - 1Gbps.

2018

Hoàn thiện việc quang hóa hạ tầng trên phạm vi toàn quốc. Ra mắt Box truyền hình 4K, Voice remote.

2019

Năm đầu tiên áp dụng OKRs đẩy mạnh năng suất làm việc và phát triển con số kinh doanh. Ra mắt hàng loạt các sản phẩm dịch vụ nổi bật: FPT Camera, iHome, HBO GO, Foxy...

2020

Ra mắt hàng loạt sản phẩm lớn như Ví điện tử Foxpay, F.safe, F.work, F.Drive, bộ giải mã FPT TV 4K FX6 của Truyền hình FPT, chương trình khách hàng thân thiết FOXGOLD cùng nhiều giải pháp online để hỗ trợ mùa dịch Covid 19

2021

Hợp nhất dịch vụ FPT Play và truyền hình FPT với tên gọi truyền hình FPT Play. Ra mắt sản phẩm FPT Play Box S, ra mắt giải pháp Camera SME cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, công bố sở hữu toàn vẹn bản quyền phát sóng các giải đấu cấp CLB do UEFA tổ chức, trong đó có UEFA Champions League từ 2021-2024

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



CUNG CẤP HẠ TẦNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet).
- Hoạt động của các điểm truy cập Internet.
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ fax gia tăng giá trị, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng.
- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế, dịch vụ viễn thông cố định đường dài trong nước.
- Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo.
- Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, Internet.
- Đại lý, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.
- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ Internet băng thông rộng.
- Hoạt động viễn thông có dây.



DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH, GIẢI TRÍ, DỊCH VỤ GTGT VÀ NỘI DUNG SỐ

- Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Dịch vụ tin nhắn, dữ liệu, thông tin giải trí trên mạng điện thoại di động.
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Đại lý, cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Hoạt động phát hành phim ảnh, phim video và chương trình truyền hình: dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông Internet, dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV theo Giấy phép số 239/GP-BTTTT.
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.
- Hoạt động hậu kỳ, hoạt động chiếu phim, hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.
- Thi công, dịch vụ lắp đặt hệ thống truyền hình cáp, tư vấn, thiết kế lắp đặt chuyển giao công nghệ máy móc thiết bị phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông.



CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Xuất nhập khẩu thiết bị mạng viễn thông và Internet.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, bán buôn vật tư máy móc chuyên dụng, dân dụng về phát thanh truyền hình, điện, điện tử và viễn thông, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Xuất bản phần mềm, các dịch vụ thông tin qua điện thoại, các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Sản xuất thiết bị truyền thông, cổng thông tin, quảng cáo.
- Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
- Xây dựng công trình công ích khác: xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông

CÁC DỊCH VỤ CHỦ ĐẠO

03

01

GÓI CƯỚC INTERNET
cho khách hàng

- Cả được tốc độ truyền tải mạnh mẽ vượt trội với kết nối quang.
- Làm nhiều hơn những gì bạn cần. Kết nối với thế giới rộng lớn chỉ với một giây.
- Đảm bảo kết nối liên tục 24/7.

PER 30 30Mbps	PER 80 80Mbps	PER 100 100Mbps	PER 150 150Mbps
PER 200 200Mbps	PER 250 250Mbps	PER 400 400Mbps	PER 500 500Mbps

F-SAFE ONLINE AN TOÀN

- Siêu kết nối không dây
- Thiết kế an toàn kết nối dây
- Wi-Fi bảo mật giúp kết nối an toàn và ổn định
- Thiết kế đẹp mắt và dễ dàng lắp đặt

1900 8800 | facebook.com/FotoOnlineFPT | www.fpt.vn/hute

INTERNET FPT

Dịch vụ mạng cáp quang FPT được nhiều cá nhân, tổ chức đánh giá là nhà cung cấp dịch vụ Internet có chất lượng đường truyền dữ liệu cáp quang siêu tốc, ổn định gần như không xảy ra hiện tượng mất mạng trong quá trình sử dụng. Cáp quang FPT sử dụng nền tảng công nghệ mới tốc độ nhanh gấp 200 lần so với công nghệ ADSL, bảo mật tuyệt đối thông tin người dùng, không bị ảnh hưởng bởi thời tiết, giá thành siêu rẻ

02

FPT Play

LIÊN CHAMPIONS LEAGUE MÙA GIẢI 2021 - 2022

KHÔNG GIỚI HẠN

1900 8800 | facebook.com/fptplay | www.fptplay.vn

FPT PLAY

FPT Play cung cấp hơn 15.000 giờ nội dung bao gồm phim truyện, TV show và gần 200 kênh truyền hình trong nước, quốc tế. Hàng loạt các giải đấu thể thao lớn, có bản quyền như UEFA, AFC hay Bellator MMA... cũng liên tục được cập nhật. Ngoài ra FPT Play cũng cung cấp các ứng dụng học tập online, rèn luyện tại nhà với huấn luyện viên chuyên nghiệp và ứng dụng sự kiện trực tuyến... Tháng 9/2021, truyền hình FPT và dịch vụ FPT Play hợp nhất làm một, dưới tên gọi chung là FPT Play, đánh dấu bước chuyển mình sau gần một thập kỷ phát triển

FPT Smart Home
NÂNG TẦM PHONG CÁCH SỐNG

- Bộ Điều Khiển Trung Tâm FPT Play Box S
- Cổng Tản Cản Ung Thông Minh
- Đèn LED Downlight Thông Minh
- Bộ Điều Khiển Rèm Thông Minh
- Cảm Biến Cửa
- Cảm Biến Chuyển Động

Nâng Cấp Nhà Thông Minh Ngay Hôm Nay!

SMART HOME

A. FPT CAMERA: Cung cấp dịch vụ camera hỗ trợ giám sát an toàn và bảo mật thông tin. FPT Camera cam kết ổn định về tín hiệu, chất lượng hình ảnh cao, kết nối với nhiều thiết bị di động, sử dụng lưu trữ Cloud. FPT luôn đồng hành cùng khách hàng trên mọi hoạt động từ bảo hành, bảo trì đến dịch vụ hỗ trợ trực tuyến 24/7.

B. I.HOME: Là thiết bị cảnh báo đột nhập, giúp khách hàng theo dõi tình trạng căn nhà mỗi khi đi vắng. Sản phẩm có thiết kế nhỏ gọn, lắp đặt dễ dàng và phù hợp lắp đặt trên nhiều loại cửa khác nhau.

C. SMART HOME Gói giải pháp nhà thông minh FPT Smart Home phiên bản 2021 được trang bị nhiều tính năng đột phá, nhằm mang đến không gian sống tiện nghi và nâng cao trải nghiệm nhà thông minh cho người dùng.

04 DOANH NGHIỆP



KÊNH THUÊ RIÊNG (LEASED LINE)

Internet Leased Line là dịch vụ cung cấp kết nối Internet trực tiếp ra Quốc tế (GIA) và Internet trong nước (NIX). Khác với các kết nối Internet thông thường, đường truyền Internet Leased Line có thể cung cấp mọi tốc độ từ 01 Mbps đến hàng chục Gbps với cam kết tốt nhất về độ ổn định, tốc độ kết nối, tính riêng biệt cùng với chế độ chăm sóc khách hàng đặc biệt.



TRUNG TÂM DỮ LIỆU (DATA CENTER)

Dịch vụ cung cấp các loại máy chủ chuyên dùng, không gian đặt tủ rack, không gian đặt máy chủ và các kết nối từ máy chủ ra môi trường Internet hay kết nối riêng trực tiếp đến văn phòng khách hàng thông qua môi trường Intranet với hệ thống Trung tâm dữ liệu (Data Center) chuẩn Uptime Tier III quy mô lớn hàng đầu Việt Nam.



ONMEETING

Gói giải pháp hợp tích hợp thông minh, kết nối không dây với các thiết bị cá nhân của bạn với màn hình phòng họp, tích hợp đa nền tảng trực tuyến và cho phép chia sẻ ý tưởng, hình ảnh, dữ liệu một cách dễ dàng và giữ cho cuộc họp diễn ra liên tục.

05

ỨNG DỤNG TRỰC TUYẾN



VÍ ĐIỆN TỬ FOXPAY

Là nền tảng thanh toán điện tử đáp ứng tiêu chuẩn Bảo mật quốc tế PCI DSS cấp độ cao nhất, đem đến trải nghiệm vượt trội và an toàn nhất cho khách hàng với những tính năng thanh toán hóa đơn điện nước, dịch vụ truyền hình, thẻ cào điện thoại, chuyển tiền...



HIFPT: Ứng dụng kinh doanh chăm sóc khách hàng Internet băng rộng và truyền hình trả tiền đầu tiên tại Việt Nam. Chỉ bằng vài thao tác, khách hàng sẽ được hỗ trợ xử lý sự cố tức thì hoặc tra cứu thông tin dịch vụ một cách đầy đủ và kịp thời nhất mọi lúc mọi nơi, 24/7



FSHARE: Là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tài nguyên trực tuyến hàng đầu tại Việt Nam hiện nay với nền tảng công nghệ điện toán đám mây (cloud computing) với dung lượng, hệ thống lưu trữ tốt nhất đặt tại các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế của FPT

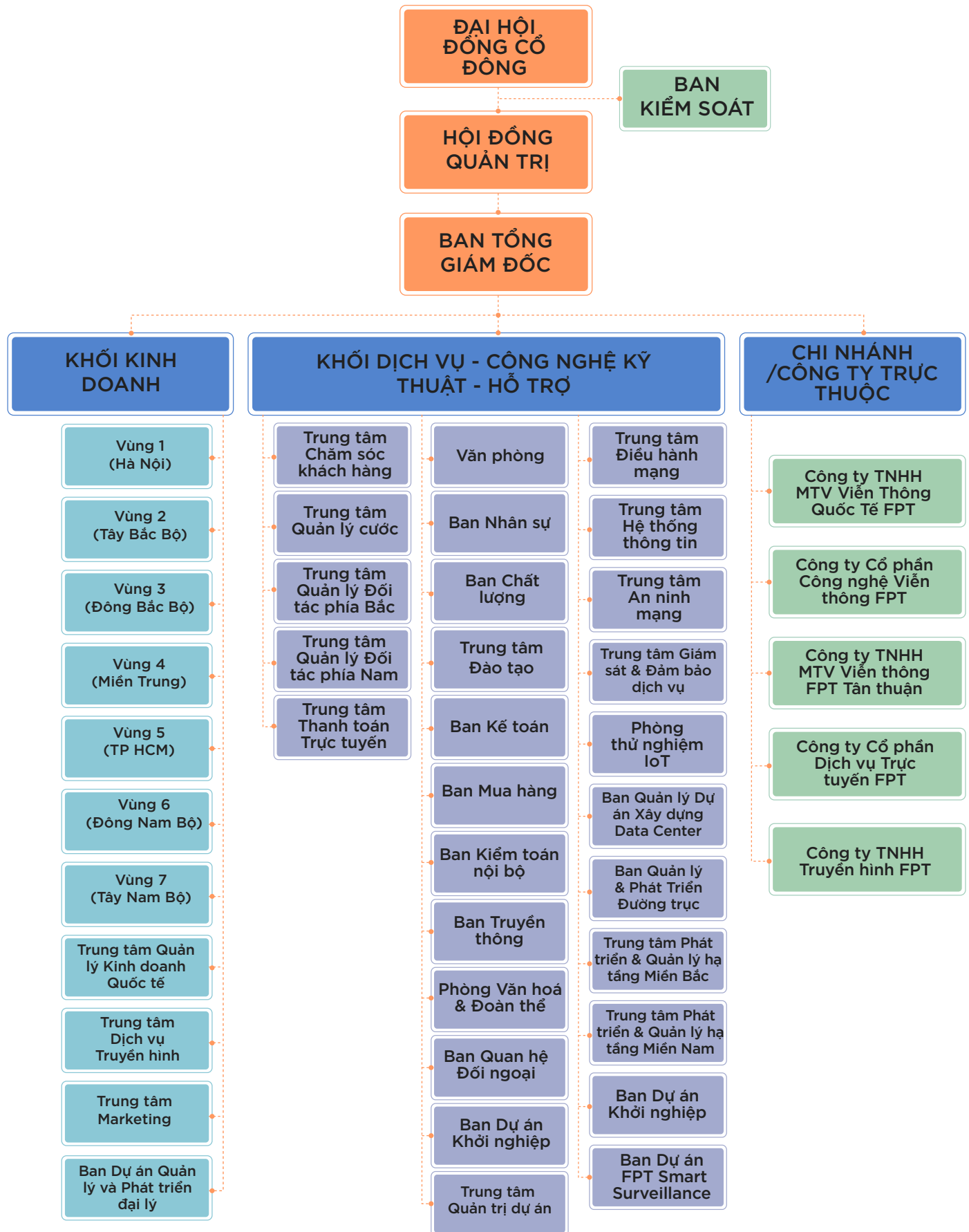
06

ONLINE MEDIA:

Hệ thống báo điện tử VN-Express với hơn 15 tỷ lượt xem mỗi ngày



CƠ CẤU QUẢN TRỊ & BỘ MÁY QUẢN LÝ





CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Internet, đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT

Vốn điều lệ: 276.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ Internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

Vốn điều lệ: 184.712.750.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 56,36%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ Game Online, Báo điện tử, thanh toán điện tử

CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH FPT

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp dịch vụ truyền hình

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông
HOÀNG NAM TIẾN
Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 1993 và đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp trong Tập đoàn. Ông giữ vị trí Chủ tịch FPT Software trong giai đoạn 2012-2020. Trong 8 năm liên tục dưới sự dẫn dắt của ông, FPT Software đã trở thành 1 trong 500 công ty phần mềm lớn nhất trên thế giới và lọt vào top 100 nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu thế giới. Tháng 3/2020, ông được bầu làm Chủ tịch FPT Telecom. Ông đã có nhiều cải tiến và những chính sách quyết liệt giúp FPT Telecom đã đứng vững qua giai đoạn khủng hoảng và duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp Viễn thông hàng đầu Việt Nam.



Ông
TRƯƠNG GIA BÌNH
Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1956
Trình độ chuyên môn:
Phó giáo sư, Tiến sỹ Toán-Lý

Sáng lập ra FPT năm 1998, ông là nhà tổ chức, người tập hợp lực lượng của FPT. Với tầm nhìn xa, ông luôn đưa ra những định hướng chiến lược có tính bước ngoặt cho sự phát triển của FPT. Ông được bình chọn là một trong 10 nhân vật tiêu biểu của ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) Việt Nam giai đoạn 2000-2009 do các nhà báo trong lĩnh vực ICT bình chọn. Ông từng là Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) - Do ông làm Chủ tịch Hội đồng sáng lập từ năm 2001 đến đầu năm 2021



Bà
CHU THỊ THANH HÀ
Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Bà từng giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty CP FPT từ năm 2011 đến 2015. Bà là một trong 4 thành viên sáng lập của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Bà đã dẫn dắt, quản trị và lãnh đạo FPT Telecom trong suốt thời gian từ ngày đầu thành lập công ty (1997) đến đầu năm 2020 và trải qua nhiều vị trí lãnh đạo chủ chốt như Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc, Phó Chủ tịch và Chủ tịch Hội đồng Quản trị FPT Telecom (2015-2020). Dưới sự lãnh đạo của Bà, FPT Telecom đã trở thành một trong những doanh nghiệp viễn thông, Internet có uy tín và vị thế vững chắc tại thị trường Việt Nam. Từ tháng 3/2020 Bà được bổ nhiệm vào vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Software và thôi giữ vị trí Chủ tịch HĐQT FPT Telecom.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông
NGUYỄN VĂN KHOA
Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

Ông có 24 năm kinh nghiệm phát triển các mảng Dịch vụ Viễn thông và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom như: Phó Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Bắc, Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT và giữ vị trí Tổng giám đốc FPT Telecom trong giai đoạn 2012-2017. Tháng 01/2018, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT, Tổng Giám đốc Công ty Hệ thống thông tin FPT trong chương trình quy hoạch và đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận của Tập đoàn. Tháng 3/2019 ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT.



Ông
PHẠM CÔNG MINH
Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1989
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ

Ông có 05 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Phân tích đầu tư tại Ban Đầu tư 4 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông có bằng thạc sỹ tại Đại học Quản trị Singapore chuyên ngành Quản lý tài sản và thạc sỹ Khoa học tại Đại học Ex-eter-Vương quốc Anh chuyên ngành Thương mại quốc tế. Ông được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ ngày 12/11/2019.



Bà
LÊ NGỌC DIỆP
Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ

Bà có 12 năm công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bà hiện đang giữ chức vụ Phó trưởng Ban – Ban Đầu tư 4 thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Bà có bằng thạc sỹ Quản trị công được cấp bởi Đại học Quốc gia Singapore và là cử nhân Ngân hàng tài chính của Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. Bà được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông

HOÀNG VIỆT ANH

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kỹ sư Công nghệ thông tin

Ông gia nhập FPT từ năm 1993 và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại FPT. Ông từng giữ chức Tổng Giám đốc của FPT Software, và được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc FPT Telecom từ tháng 03/2018.

Ông có nhiều kinh nghiệm chỉ đạo các dự án quy mô hàng triệu USD với khách hàng tại Singapore, Malaysia, Mỹ...trong lĩnh vực dầu khí, hàng không, truyền hình vệ tinh, tài chính - ngân hàng - bảo hiểm. Năm 2007, ông là một trong 10 gương mặt tiêu biểu được nhận Giải thưởng Quả cầu Vàng CNTT do Trung ương Đoàn và Bộ Khoa học Công nghệ tổ chức, nhờ nỗ lực đưa hình ảnh CNTT Việt Nam ra thế giới.



Ông

NGUYỄN HOÀNG LINH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Gia nhập FPT năm 2008 và giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH FPT Telecom Miền Nam. Từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012, Ông là Giám đốc Tài chính FPT Telecom. Tháng 1/2013, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Bà

VŨ THỊ MAI HƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Tin học

Bà gia nhập FPT từ năm 1993 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại FPT Telecom như Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT, Phó Ban nhân sự FPT Telecom. Tháng 4/2011, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông
CHU HÙNG THẮNG
Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Ông gia nhập FPT từ năm 2001, ông làm việc tại Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT với các vị trí Trưởng phòng kỹ thuật triển khai, Phó giám đốc Trung tâm FIS 3. Năm 2008, ông chuyển sang FPT Telecom giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Hà Nội 3. Ông lần lượt đảm nhiệm qua nhiều vị trí lãnh đạo tại FPT Telecom: Giám đốc điều hành kinh doanh vùng 2 (Tây Bắc Bộ), vùng 3 (Đông Bắc Bộ) và vùng 1 (Hà Nội). Tháng 12/2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.



Bà
ĐỖ THỊ HƯƠNG
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng
Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế

Gia nhập FPT từ năm 1994, bà đảm nhiệm qua nhiều vị trí quan trọng như: Trưởng phòng kế toán công ty Cổ phần FPT, Trưởng ban kế toán, kế toán trưởng FPT Telecom.

Từ ngày 1/8/2021, bà được bổ nhiệm kiêm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính.

BAN KIỂM SOÁT



Ông
NGUYỄN LƯƠNG TÂM
Trưởng Ban Kiểm Soát
Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân

Ông gia nhập FPT Telecom từ năm 2019 và đảm nhận vị trí Trưởng ban kiểm soát nội bộ Công ty. Trước khi gia nhập FPT Telecom ông đã có 12 năm kinh nghiệm làm việc và quản lý tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.



Ông
PHAN PHƯƠNG ĐẠT
Thành viên Ban Kiểm Soát
Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn:
Tiến sĩ toán học

Ông gia nhập FPT từ năm 1999, và trải qua nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc nhân sự FPT, Phó Tổng Giám đốc FPT Software, Hiệu phó Đại học FPT... Hiện tại, ông là Trưởng ban Đào tạo FUNiX, đồng thời phụ trách Câu lạc bộ Tài năng trẻ FPT (FPT Young Talents - FYT).



Ông
ĐỖ XUÂN PHÚC
Thành viên Ban Kiểm Soát
Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân

Ông hiện đang công tác tại Ban đầu tư 4 thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Ông được bổ nhiệm vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát của FPT Telecom từ ngày 28/3/2018.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Ngay từ khi thành lập, Internet FPT đã hướng tới chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm, "kết nối con người", đưa ra nhiều chương trình hấp dẫn, mục tiêu là để khách hàng được truy cập internet nhanh nhất, dễ dàng nhất

Năm 2021 là thời kỳ đầy khó khăn khi dịch bệnh Covid19 bùng phát mạnh trên cả nước nhưng FPT Telecom vẫn duy trì được sự tăng trưởng và đạt được những kết quả kinh doanh ấn tượng: Doanh thu Công ty tăng 10,6% và lợi nhuận sau thuế tăng 15,1%. Để đạt được những thành tựu này là nỗ lực không mệt mỏi của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên. Hàng loạt chiến dịch, chương trình hành động đã được triển khai như Chiến dịch 70k, Cam phi mã, Toàn dân bán hàng, Đại sứ CSKH, dự án S4S... Bằng những chiến dịch hành động này, FPT Telecom đã tạo ra sự kết nối, cùng chia sẻ trách nhiệm kinh doanh giữa các vùng. Chính tinh thần đoàn kết và ý chí kiên cường cả tập thể cán bộ nhân viên đã giúp FPT Telecom đứng vững và cùng nhau vượt qua những khó khăn trong năm qua. Đáng chú ý, tháng 10/2021 FPT Telecom đã lập kỷ lục phát triển thuê bao nhiều nhất trong lịch sử. Hướng tới mục tiêu 2022 nói riêng và chiến lược 2022-2024 nói chung, Ban Điều hành Công ty đã đặt ra mục tiêu thách thức tăng trưởng Doanh thu và lợi nhuận mỗi năm trên 20%.

Để thực hiện những mục tiêu đó từ ngày 10/1/2022 Công ty sẽ tái cấu trúc toàn bộ bộ máy, tinh giản hơn, hiệu quả hơn. Từng Khối sẽ đảm nhiệm các chương trình cụ thể để hướng tới mục tiêu chung của Công ty.

- Chiến lược Trải nghiệm Tuyệt vời tiếp tục là triết lý, phương châm của FPT Telecom trong kinh doanh những năm tiếp theo. Năm 2022, chiến lược sẽ được thực hiện sâu hơn, cụ thể hơn bởi tất cả các khối ngành, phòng ban trên toàn quốc

- Hướng tới vị trí số một tại Việt Nam về truyền hình Internet và giải pháp họp trực tuyến, Truyền hình FPT Play và OnMeeting sẽ là những hướng chiến lược trong năm 2022. Bên cạnh đó các sản phẩm dịch vụ khác như FPT Camera, Ví điện tử Foxpay... là cơ hội để Công ty tự làm mới bản thân, đi đầu xu hướng so với các đối thủ Viễn thông khác trên thị trường.



04

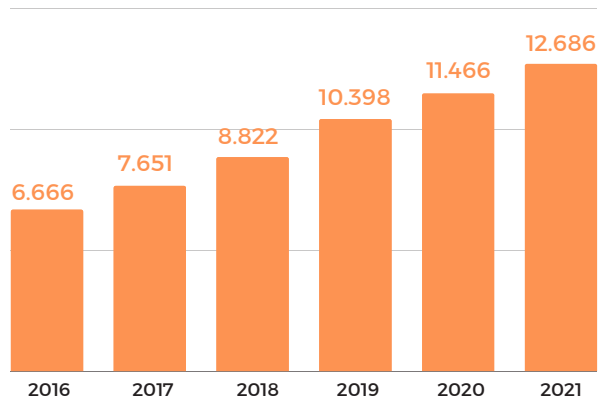
**TÌNH HÌNH HOẠT
ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2021 &
KẾ HOẠCH NĂM
2022**



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2021

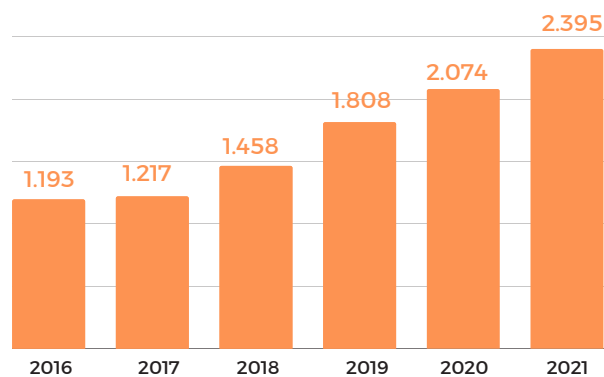
DOANH THU THUẦN
12.686 TỶ ĐỒNG,
TĂNG TRƯỞNG 10,6% YOY.

FPT TELECOM tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng doanh thu ấn tượng ở mức 2 con số trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn



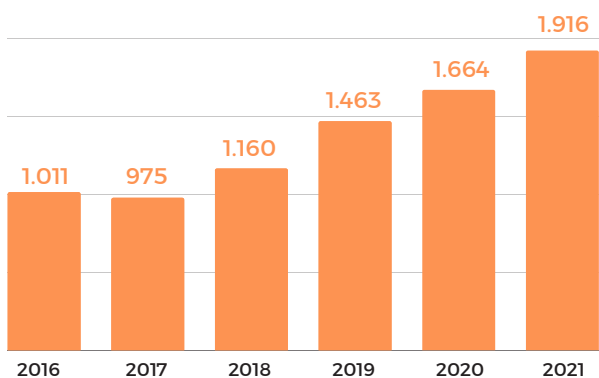
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
2.395 TỶ ĐỒNG, TĂNG
TRƯỞNG 15,5% YOY

Năm 2021, Công ty đã kiểm soát tốt chi phí, hoàn thành xuất sắc kế hoạch lợi nhuận được giao và đạt được mức tăng trưởng ấn tượng.



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
1.916 TỶ ĐỒNG, TĂNG
TRƯỞNG 15,1% YOY.

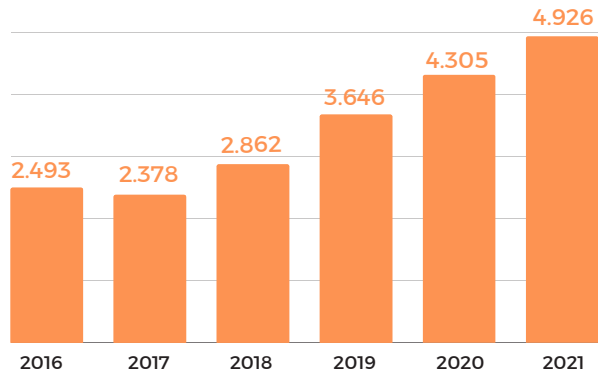
Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng tương ứng với mức tăng doanh thu khi đạt mức tăng trưởng 15,1 %.



LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (EPS) 4.926 ĐỒNG/CP, TĂNG TRƯỞNG 14,4% YOY

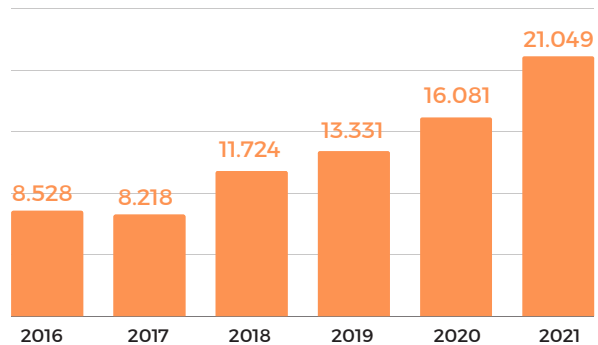
EPS của công ty tăng trưởng 14,1% so với 2020 cho thấy hoạt động kinh doanh năm 2021 tiếp tục đem lại hiệu quả tốt cho Cổ đông Công ty.

(*) EPS các năm được điều chỉnh hồi tố cho tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu



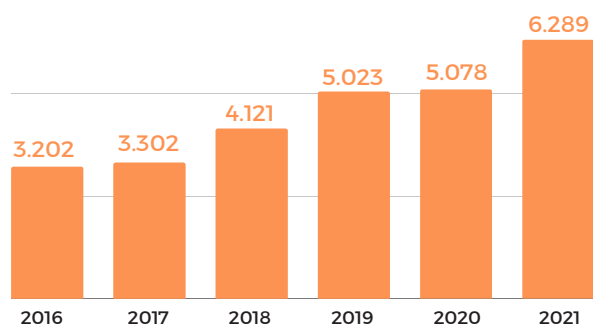
TỔNG TÀI SẢN 21.049 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 30,9% YOY

Tổng tài sản của Công ty tiếp tục có bước nhảy vọt với mức tăng trưởng lên đến 30,9% so với năm 2020 do đẩy mạnh đầu tư và tối ưu các nguồn vốn ưu đãi



VỐN CHỦ SỞ HỮU 6.289 TỶ ĐỒNG, TĂNG TRƯỞNG 23,8% YOY

Nguồn vốn tiếp tục được bảo toàn và không có nhiều biến động, tăng trưởng bình quân năm từ 2016 đến 2021 là 14%, là nền tảng cho sự phát triển bền vững của FPT Telecom



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KẾT QUẢ KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% Tăng giảm
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	12.686.412	11.466.154	10,6%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	“	2.389.354	2.063.754	15,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	“	2.394.930	2.074.036	15,5%
4	Lợi nhuận sau thuế	“	1.915.837	1.663.900	15,1%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng /Cp	4.926	4.305	14,4%

Năm 2021, FPT Telecom tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng trên hai con số, doanh thu hợp nhất toàn công ty đạt 12.686 tỷ đồng, tăng trưởng 10,6% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt 2.395 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.916 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu thực tế đạt 4.926 đồng/cổ phần tăng 14,4% so với năm 2020. Tổng tài sản của Công ty tính đến cuối năm 2021 đạt 21.049 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 6.289 tỷ đồng và vốn điều lệ là 3.283 tỷ đồng



TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020	% Tăng giảm
I	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	13.672.034	9,003,839	51.8%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	“	374,930	630,611	-40.5%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	“	11,238,439	6,608,557	70.1%
3	Phải thu ngắn hạn	“	1,208,969	1,001,734	20.7%
4	Hàng tồn kho	“	689,688	627,896	9.8%
5	Tài sản ngắn hạn khác	“	160,007	135,040	18.5%
II	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	7,377,374	7,077,130	4.2%
1	Các khoản phải thu dài hạn	“	34,079	31,522	8.1%
2	Tài sản cố định	“	4,907,968	4,894,108	0.3%
3	Tài sản dở dang dài hạn	“	480,692	307,445	56.4%
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	“	6,200	6,200	0.0%
5	Tài sản dài hạn khác	“	1,948,435	1,837,856	6.0%

Tài sản ngắn hạn: Đầu tư tài chính ngắn hạn tiếp tục tăng trưởng khi công ty đẩy mạnh việc tối ưu dòng tiền

Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn tăng 4.2%. Trong năm 2021, do ảnh hưởng dịch bệnh, một số dự án đầu tư của Công ty bị hoãn lại, tuy nhiên, sau đó, Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động đầu tư các Trung tâm dữ liệu tại Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh,...

NGUỒN VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020	% Tăng giảm
I	Tổng nợ	Triệu đồng	14,760,410	11,002,713	34.2%
1	Nợ ngắn hạn	“	13,967,863	10,717,109	30.3%
2	Nợ dài hạn	“	792,547	285,605	177.5%
II	Vốn Chủ sở hữu	Triệu đồng	6,288,998	5,078,256	23.8%
1	Nợ ngắn hạn	“	6,288,998	5,078,256	23.8%
III	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	21,049,408	16,080,969	30.9%

Nợ phải trả: Nợ ngắn hạn tăng 30,3%, chủ yếu từ vay nợ ngắn hạn do Công ty tận dụng được các Nguồn vốn với lãi suất thấp, gia tăng thu nhập tài chính

Vốn chủ sở hữu: Tăng 23,8% so với năm 2020, chủ yếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại trong năm 2021.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020
I	Tài sản ngắn hạn			
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0.98	0.84
2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.93	0.78
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0.70	0.68
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2.35	2.17
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay khoản phải thu	Lần	11.48	11.45
2	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0.60	0.71
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số LNTT/Doanh thu thuần	%	18.9%	18.1%
2	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	15.1%	14.5%
3	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	30.5%	32.8%
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10.3%	10.3%
5	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	18.8%	18.0%

Khả năng thanh toán: Không có nhiều biến động và vẫn được đảm bảo rất tốt so với năm trước cho thấy Công ty có đủ nguồn lực để thanh toán cho các khoản nợ trong tương lai.

Cơ cấu vốn: Tăng nhẹ trong năm 2021 khi nợ có mức tăng cao hơn mức tăng của tài sản và vốn chủ, tuy nhiên xu thế này cũng cho thấy Công ty đang tận dụng tốt đòn bẩy tài chính với mặt bằng lãi suất thấp trong năm 2021

Năng lực hoạt động: Các chỉ số biến động nhẹ so với năm 2020, cụ thể: vòng quay khoản phải thu tiếp tục tăng khi Công ty nỗ lực đẩy mạnh trọng tâm vào thanh toán online, vòng quay tổng Tài sản giảm nhẹ trong năm 2021 do công ty chịu ảnh hưởng của đại dịch chung.

Khả năng sinh lời: Hầu hết chỉ số tiếp tục được duy trì ở mức cao và tăng trưởng so với năm trước. Hệ số lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế so với doanh thu thuần tiếp tục tăng so với năm 2020.



Năm 2021 là một năm được đánh giá là thành công của FPT Telecom với một loạt những chương trình truyền thông và sản phẩm mới được ra mắt triển khai đã tạo dấu ấn mạnh mẽ kết nối được người dùng, giúp Công ty vượt trội vượt qua giai đoạn khó khăn, trong đó:

Tháng 04/2021:

Ra mắt FPT Play Box S, thiết bị TV Box đầu tiên kết hợp với loa thông minh. Có khả năng nhận diện giọng nói, kết hợp với trợ lý ảo Google Assistant giúp kết nối và điều khiển các thiết bị thông minh trong nhà bằng Tiếng Việt



Tháng 07/2021:

Ra mắt giải pháp cho doanh nghiệp vừa và nhỏ: Camera SME: giải pháp về IP Camera dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp giám sát, lưu trữ và quản lý thiết bị camera tập trung trên nền tảng điện toán đám mây (Cloud).



Tháng 07/2021:

FPT Telecom Công bố sở hữu toàn vẹn bản quyền phát sóng các giải đấu cấp CLB do UEFA tổ chức, trong đó có UEFA Champions League từ 2021-2024



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TÓM TẮT TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2021

Năm 2021, nền kinh tế chung toàn cầu hồi phục sau khi bị Covid-19 “đánh gục” trong năm 2020. Tuy nhiên do diễn biến phức tạp của dịch bệnh với các biến chủng mới xuất hiện, sự hồi phục kinh tế diễn ra không đồng đều giữa các quốc gia, khu vực: Mỹ (+5,7%), Trung Quốc (+8,1%), Nhật Bản (+1,7%), Cộng đồng chung Châu Âu (+5,2%). Lạm phát toàn cầu leo thang do tình trạng tắc nghẽn chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng nghiêm trọng, thế giới đối mặt với cuộc khủng hoảng thiếu hụt năng lượng, nhiên liệu, lương thực, chip điện tử... do nhu cầu bùng nổ khi kinh tế phục hồi.

Trong nước, làn sóng dịch COVID-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 khi nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. GDP năm 2021 ước tính tăng 2,58% so với cùng kỳ năm 2020 là một thành công lớn của nước ta trong việc phòng chống dịch bệnh, duy trì sản xuất kinh doanh. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2021 ước tính đạt 171,3 triệu đồng/lao động (tương đương 7.398 USD/lao động, tăng 538 USD so với năm 2020). Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước tính đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm trước. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020, với 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 332,25 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm trước.

Doanh thu hoạt động viễn thông năm 2021 đạt 314,8 nghìn tỷ đồng, giảm 0,1% so với năm trước. Tại thời điểm cuối tháng 12/2021, tổng số thuê bao điện thoại ước đạt 130,3 triệu thuê bao, tăng 2,7% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó thuê bao di động đạt 127,2 triệu thuê bao, tăng 2,8%; số thuê bao truy nhập Internet băng rộng cố định ước đạt 19,3 triệu thuê bao, tăng 15,6%.

Trước bối cảnh khó khăn chung, đội ngũ Ban lãnh đạo FPT Telecom cùng toàn thể cán bộ nhân viên, dưới sự đồng hành của HĐQT đã nhanh chóng thích ứng, khẩn trương và linh hoạt trong chiến lược kinh doanh, giữ vững tinh thần đoàn kết. Nhờ vậy công ty không chỉ hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh mà còn thu được một số kết quả đáng tự hào. Doanh thu thuần năm 2021 của toàn Công ty đạt 12.686 tỷ đồng, tăng trưởng 10,6% so với năm 2020 và bằng 99,9% kế hoạch đề ra. Các mảng kinh doanh vẫn giữ được sự tăng trưởng, cụ thể: doanh thu dịch vụ viễn thông cho khách hàng tổ chức (kênh thuê riêng, thoại trong nước, cho thuê máy chủ và chỗ đặt máy chủ, dịch vụ lưu trữ ảo hóa...) tăng trưởng 13,7%; doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền tăng trưởng 17,5% so với năm 2020 và hoàn thành 100,9% chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty đạt 2.395 tỷ đồng, tăng trưởng 15,5% so với năm 2020 và hoàn thành 100,6% kế hoạch đề ra.

KẾ HOẠCH NĂM 2022



KẾ HOẠCH KINH DOANH

Năm 2022 Công ty đặt mục tiêu doanh thu là 14.560 tỷ đồng, tăng trưởng 14,8% so với năm 2021 (trong đó doanh thu từ dịch vụ viễn thông là 13.800 tỷ đồng, tăng trưởng 14,3% và doanh thu từ dịch vụ nội dung số là 760 tỷ đồng, tăng trưởng 25,1%). Kế hoạch lợi nhuận trước thuế của Công ty là 2.812 tỷ đồng, tăng trưởng 17,4% so với năm 2021.

Với chiến lược lấy Khách hàng làm trung tâm, gia tăng trải nghiệm Khách hàng dựa trên Công nghệ, FPT Telecom sẽ tập trung phát triển thuê bao bền vững, đẩy mạnh các sản phẩm mới để cho Khách hàng có nhiều lựa chọn dịch vụ, nâng cao chất lượng hạ tầng, gia tăng chất lượng nguồn lực lao động để duy trì sự tăng trưởng Doanh thu, lợi nhuận ổn định

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng cao trong những năm tới, hoạt động đầu tư của FPT Telecom trong năm 2022 tập trung vào các hoạt động chính sau:

- Đẩy nhanh việc xây dựng trung tâm dữ liệu tại

Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, hoàn thành đầu tư giai đoạn 2 tại 2 trung tâm dữ liệu ở Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. đang hoạt động, hoàn thành mục tiêu là doanh nghiệp số 1 Việt Nam trong lĩnh vực Trung tâm dữ liệu

- Tiếp tục tìm kiếm và lên phương án cho các tuyến cáp quốc tế khác để đảm bảo lợi thế cạnh tranh và chất lượng DVKH trong tương lai.

- Trong năm 2022, Công ty sẽ khởi công dự án xây dựng tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tower tại Khu chế xuất Tân Thuận, Tp HCM để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng về văn phòng làm việc.

- Công ty tiếp tục nghiên cứu, phát triển để đưa ra các sản phẩm dịch vụ mới, nâng cao trải nghiệm và giá trị đem lại cho khách hàng Đầu tư và phát triển nội dung ngày càng phong phú và hấp dẫn cho mảng dịch vụ truyền hình, đáp ứng nhu cầu giải trí ngày càng cao cho khách hàng.

Về nguồn lực nhân sự, FPT Telecom sẽ cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và dự kiến đến cuối năm 2022 số lượng nhân sự của công ty đạt khoảng 10.000 người.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Hoàng Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	4	100%
2	Ông Trương Gia Bình	Thành viên HĐQT	4	100%
3	Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên HĐQT	4	100%
4	Bà Chu Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT	4	100%
5	Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT	4	100%
6	Ông Phạm Công Minh	Thành viên HĐQT	4	100%

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện họp và quyết định những vấn đề chính sau:

- ✓ Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng tuyến cáp đất liền Việt Nam - Singapore
- ✓ Thông qua Báo cáo Tài chính 2020, phương án phân phối lợi nhuận 2020
- ✓ Thông qua kế hoạch năm 2021
- ✓ Thông qua quỹ thu nhập năm 2020 và kế hoạch ngân sách hoạt động năm 2021 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
- ✓ Thông qua đề xuất bổ sung ngành nghề kinh doanh
- ✓ Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Metro POP năm 2021
- ✓ Phê duyệt phương án mua đài trạm làm Metro Pop tại các tỉnh
- ✓ Thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 20%).
- ✓ Phê duyệt điều chỉnh Dự án Trung tâm Dữ liệu Tân Thuận 1B (Giai đoạn 2,3)
- ✓ Phê duyệt điều chỉnh Dự án Trung tâm Dữ liệu Hà Nội 02 (Giai đoạn 2)
- ✓ Thông qua kết quả kinh doanh Quý III.2021 và 9 tháng đầu năm 2021
- ✓ Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư FPT Telecom Tower
- ✓ Thông qua chủ trương thành lập Công ty TNHH MTV Truyền hình FPT.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố thông tin theo quy định, cụ thể:

- ✓ Kiểm soát xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ công ty.
- ✓ Kiểm soát việc xây dựng kế hoạch và phân phối lợi nhuận năm 2021.
- ✓ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc thành lập, tổ chức lại các chi nhánh Công ty.
- ✓ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc kế hoạch phân chia lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
- ✓ Tham gia các buổi làm việc của Ban Lãnh đạo Công ty về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện.
- ✓ Xem xét các báo cáo kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc và Ban Kế hoạch Tài chính chuẩn bị.
- ✓ Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập.



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

- ✓ **Vốn điều lệ:** 3.283.695.530.000 đồng.
- ✓ **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 328.369.553 cổ phiếu.
- ✓ **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
- ✓ **Cổ phiếu thường:** 328.339.538 cổ phiếu.
- ✓ **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 328.339.538 cổ phiếu.
- ✓ **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 30.015 cổ phiếu.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

STT	Đơn vị	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	164.742.021	50,17%
2	Công ty cổ phần FPT	149.907.458	45,65%
3	Các cổ đông khác	13.690.059	4,17%
4	Cổ phiếu quỹ	30.015	0,01%
	TỔNG CỘNG	328.369.553	100%

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ năm 2021 tăng 20% so với năm 2020 lên 3.284 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bình quân 5 năm là 19%.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2021, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ

CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT

Tỷ lệ cổ tức tạm ứng bằng tiền mặt năm 2021 là 1.000 đồng/ cổ phiếu.



CỔ TỨC BẰNG CỔ PHIẾU

Công ty dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2021 là 20%. Quyết định chi trả cổ tức sẽ được trình và xin ý kiến phê duyệt tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.





PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hơn 25 năm phát triển, FPT Telecom là một trong những đơn vị Viễn thông dẫn đầu, tiên phong đổi mới mang chất lượng dịch vụ tốt nhất đến cho Khách hàng, và là nhà mạng được yêu thích và tin dùng tại Việt Nam. Với đội ngũ nhiệt huyết, năng động sáng tạo, FPT Telecom luôn sẵn sàng ứng biến với cuộc chơi mới và nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về công nghệ theo xu thế công nghệ thế giới. Yếu tố bền vững luôn được coi trọng trong tất cả mọi hoạt động của công ty. Toàn bộ chuỗi giá trị từ đầu vào đến hoạt động kinh doanh và các yếu tố đầu ra đều được FPT Telecom xem xét trên ba khía cạnh: Môi trường - Xã hội - Phát triển nguồn lực.

TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

FPT Telecom luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường và đề cao ý thức bảo vệ môi trường trong tất cả mọi hoạt động. Tại toàn bộ các cơ sở, chi nhánh, FPT Telecom luôn kiểm soát mức tiêu thụ năng lượng đồng thời triển khai các sáng kiến, chương trình, hướng dẫn các phòng ban sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Năm 2021, FPT Telecom vinh dự nhận danh hiệu “Công trình xây dựng sử dụng năng lượng xanh 5 sao” dành cho Trung tâm dữ liệu FPT Fornix. Không chỉ được xây dựng theo tiêu chuẩn Uptime Tier III Constructed Facility - chứng chỉ khắt khe dành cho Data Center, FPT Fornix còn ưu tiên lựa chọn nhưng thiết bị có hiệu suất cao, các hệ thống tính toán, quản lý năng lượng tự động, giúp khả năng vận hành và tuổi thọ thiết bị luôn ở mức cao nhất với năng lượng tiêu thụ tối ưu nhất.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



Người lao động là nguồn lực và yếu tố quyết định đến sự phát triển của công ty. FPT Telecom luôn chú trọng trong việc phát triển nguồn lực, tạo ra môi trường làm việc năng động, thúc đẩy cán bộ nhân viên nâng cao năng lực và phát triển bản thân.

Số hóa hoạt động quản lý nhân sự tại FPT Telecom:

Năm 2021, FPT Telecom đã triển khai số hóa toàn bộ hồ sơ nhân sự và lưu trữ trên hệ thống, giúp việc tra cứu quản lý thuận tiện, tránh rủi ro thất lạc

Triển khai BHYT điện tử VSSID tới toàn bộ CBNV, ký số và ủy quyền quyết toán thuế TNCN online, ký số thỏa thuận đào tạo... mang đến sự thuận tiện cho CBNV, tiết kiệm thời gian hoàn thành thủ tục, giấy tờ.

Năm 2021, FPT Telecom xuất sắc lọt TOP 6 bảng xếp hạng “Employer of Choice”

Chú trọng trải nghiệm nhân viên, nâng cao chất lượng môi trường làm việc

Năm 2021 ghi nhận tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, có rất nhiều CBNV của FPT Telecom bị ảnh hưởng về mặt sức khỏe, tinh thần cũng như gia đình CBNV gặp khó khăn trong đời sống. Trong hoàn cảnh đó, FPT Telecom đã có những chính sách, chương trình hỗ trợ kịp thời, ý nghĩa với tinh thần “người FTEL không để ai lại phía sau”:

- Ban hành chính sách hỗ trợ CBNV bị ảnh hưởng bởi Covid-19
- Mở cổng đăng ký hỗ trợ y tế cho CBNV và người thân, lập hotline liên lạc
- Thành lập “Quỹ chung tay” hướng tới F0, F1 hoặc đang gặp khó khăn do dịch; Khách hàng của FTEL tại các khu cách ly, gặp khó khăn trong mùa dịch; Người dân tại các vùng tâm dịch cần hỗ trợ.
- Quyên góp tiền, nông sản và trao quà cho CBNV khó khăn trong tâm dịch

Năm 2022, cùng với việc thành lập Phòng quản trị trải nghiệm nhân viên, FPT Telecom sẽ triển khai chương trình ACX Employee Engagement Program nhằm đưa chỉ số Trải nghiệm gắn vào các chương trình khen thưởng, động viên hay công thức lương. Hướng tới mỗi CBNV sẽ có được trải nghiệm tốt trong công việc, nâng cao chất lượng làm việc tại công ty.

CÁC HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO TIÊU BIỂU

- Phong trào chia sẻ “Khoảnh khắc vượt dịch” cổ vũ tinh thần với tổng giải thưởng 35 triệu đồng đã được trao
- Chương trình Nước mát 2021: Quây nước yêu thương với 11/59 chi nhánh tham gia
- Chương trình Sử ký FTEL 25 năm: thu hút 100% CBNV tham gia với 16.000 bài viết
- Chương trình Foxer siêu đẳng: vinh danh 488 Foxer có thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực
- Dự án S4S với 120 tin bài, thu hút 500.000 lượt view



HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Năm 2021 dù gặp nhiều khó khăn nhưng FPT Telecom vẫn triển khai nhiều hoạt động vì cộng đồng, đặc biệt phải kể đến các chương trình Chung tay cùng chống đại dịch Covid như:

- Hỗ trợ hạ tầng Internet, Camera, hệ thống On meeting 14 bệnh viện dã chiến, 4 khu cách ly và 4 điểm tiêm phòng dịch
- Tặng hàng ngàn túi quà tới khách hàng và người dân trong khu cách ly tại TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Ninh Thuận... bao gồm gạo, mì, lương thực, rau củ và nhu yếu phẩm cần thiết

- Tặng vật dụng y tế và sản phẩm bổ trợ sức khỏe cho đội ngũ tuyến đầu tỉnh Tây Ninh.
- Tặng gói giải trí miễn phí cho các y, bác sĩ tuyến đầu chống dịch

Ngoài ra, FPT Telecom còn có hỗ trợ cộng đồng bằng các hoạt động ý nghĩa khác:

- Tham gia đóng góp hàng nghìn đơn vị máu qua chương trình Giọt máu nghĩa tình
- Kêu gọi đóng góp chương trình “Máy tính tặng em” với mục tiêu tặng 3.300 máy tính cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.



Không chỉ là một nhà cung cấp dịch vụ Internet và các giải pháp công nghệ mới, FPT Telecom tìm thấy sứ mệnh của mình trong việc kết nối con người, xóa nhòa khoảng cách địa lý, góp phần giúp xã hội vận hành linh hoạt và thông minh hơn.



06

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0101778163 ngày 28 tháng 7 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 28) được cấp ngày 23 tháng 9 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Nam Tiến
Bà Chu Thị Thanh Hà
Ông Trương Gia Bình
Ông Nguyễn Văn Khoa
Ông Phạm Công Minh
Bà Lê Ngọc Diệp

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Việt Anh
Ông Nguyễn Hoàng Linh
Bà Vũ Thị Mai Hương
Ông Chu Hùng Thắng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Hoàng Nam Tiến

Chủ tịch

Trụ sở chính

Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Số 17 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty và các công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty và các công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc của Công ty để phê duyệt và ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 829/QĐ-FTEL đề ngày 15 tháng 8 năm 2020.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 44. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Theo Giấy ủy quyền số 829/QĐ-FTEL đề ngày 15 tháng 8 năm 2020

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 4 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Phó Tổng Giám đốc của Công ty (theo ủy quyền của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty) phê chuẩn ngày 4 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 4 tháng 3 năm 2021.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Trần Khắc Thế
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
2043-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2920
Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND (Phân loại lại – Thuyết minh 34)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.672.033.834.001	9.003.838.743.226
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	374.929.561.927	630.611.012.001
111	Tiền		101.868.718.688	79.713.237.743
112	Các khoản tương đương tiền		273.060.843.239	550.897.774.258
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.238.439.412.400	6.608.557.368.342
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	11.238.439.412.400	6.608.557.368.342
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.208.969.329.415	1.001.733.911.616
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.391.016.112.013	1.211.786.926.271
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		39.888.170.930	22.309.836.111
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	165.646.293.645	97.343.584.052
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(387.581.247.173)	(329.706.434.818)
140	Hàng tồn kho	7	689.688.421.234	627.896.135.608
141	Hàng tồn kho		744.295.562.176	697.613.777.715
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(54.607.140.942)	(69.717.642.107)
150	Tài sản ngắn hạn khác		160.007.109.025	135.040.315.659
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	127.113.764.629	97.707.023.256
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		23.231.959.636	27.731.020.501
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13(a)	9.661.384.760	9.602.271.902
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		7.377.374.332.375	7.077.130.235.654
210	Các khoản phải thu dài hạn		34.079.359.935	31.521.714.902
216	Phải thu dài hạn khác		36.436.051.116	33.878.406.083
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(2.356.691.181)	(2.356.691.181)
220	Tài sản cố định		4.907.968.495.872	4.894.107.754.939
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	4.295.483.183.177	4.304.552.110.817
222	Nguyên giá		9.511.150.236.538	8.728.731.666.004
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.215.667.053.361)	(4.424.179.555.187)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	612.485.312.695	589.555.644.122
228	Nguyên giá		1.017.829.221.521	919.170.220.951
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(405.343.908.826)	(329.614.576.829)
240	Tài sản dở dang dài hạn		480.691.804.821	307.445.010.561
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	480.691.804.821	307.445.010.561
250	Đầu tư tài chính dài hạn		6.200.000.000	6.200.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	9.684.980.000	9.684.980.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(3.684.980.000)	(3.684.980.000)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	200.000.000	200.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.948.434.671.747	1.837.855.755.252
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	1.942.729.120.740	1.808.335.760.322
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11	5.705.551.007	29.519.994.930
270	TỔNG TÀI SẢN		21.049.408.166.376	16.080.968.978.880

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		14.760.409.865.663	11.002.713.268.170
310	Nợ ngắn hạn		13.967.863.132.318	10.717.108.629.107
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.380.314.651.103	1.578.425.733.601
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		130.988.516.301	57.038.514.738
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(b)	143.764.261.715	186.570.606.451
314	Phải trả người lao động		1.166.920.110.832	877.963.926.497
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	202.368.757.000	263.903.307.947
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15(a)	1.380.469.481.129	1.214.437.567.291
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	202.134.706.538	748.814.309.097
320	Vay ngắn hạn	17(a)	9.072.615.283.911	5.526.215.933.386
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		288.287.363.789	263.738.730.099
330	Nợ dài hạn		792.546.733.345	285.604.639.063
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15(b)	40.873.965.655	41.077.830.130
337	Phải trả dài hạn khác		6.989.289.928	1.193.233.334
338	Vay dài hạn	17(b)	744.673.229.286	243.333.575.599
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	11	10.248.476	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.288.998.300.713	5.078.255.710.710
410	Vốn chủ sở hữu	18, 19	6.288.998.300.713	5.078.255.710.710
411	Vốn góp của chủ sở hữu		3.283.695.530.000	2.736.464.610.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.283.695.530.000	2.736.464.610.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	20.462.758.273	20.462.758.273
414	Vốn khác của chủ sở hữu	19	55.391.600.000	55.391.600.000
415	Cổ phiếu quỹ	19	(300.150.000)	(300.150.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	824.773.364.467	824.773.364.467
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	1.821.722.332.329	1.082.212.906.804
421a	- LNST chưa phân phối của các năm trước		532.918.986.128	714.929.657.820
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		1.288.803.346.201	367.283.248.984
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	19	283.252.865.644	359.250.621.166
440	TỔNG NGUỒN VỐN		21.049.408.166.376	16.080.968.978.880



Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập



Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng




Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND (Phân loại lại – Thuyết minh 34)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.698.133.981.339	11.487.811.295.401
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	11.717.730.878	21.657.080.799
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	12.686.416.250.461	11.466.154.214.602
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	6.598.135.450.543	5.937.400.666.199
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	6.088.280.799.918	5.528.753.548.403
21	Doanh thu hoạt động tài chính	496.205.208.929	354.268.786.060
22	Chi phí tài chính	300.744.727.104	255.671.428.972
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	220.614.607.102	242.652.884.344
25	Chi phí bán hàng	1.884.539.198.503	1.709.895.232.541
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.009.848.282.131	1.853.701.708.673
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	2.389.353.801.109	2.063.753.964.277
31	Thu nhập khác	14.836.952.588	19.279.669.830
32	Chi phí khác	9.260.977.910	8.997.696.622
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	5.575.974.678	10.281.973.208
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	2.394.929.775.787	2.074.035.937.485
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành	458.846.923.319	436.076.164.198
52	Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	20.245.216.434	(25.940.518.965)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	1.915.837.636.034	1.663.900.292.252
Phân bổ cho:			
61	Cổ đông của công ty mẹ	1.820.124.198.555	1.575.015.720.730
62	Cổ đông không kiểm soát	95.713.437.479	88.884.571.522
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.926	4.305
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.926	4.305


 Nguyễn Thị Thu Hương
 Người lập


 Đỗ Thị Hương
 Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hương
 Phó Tổng Giám đốc
 Chữ ký được ủy quyền
 Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.394.929.775.787	2.074.035.937.485
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.130.395.527.744	1.081.436.910.341
03	Các khoản dự phòng	42.764.311.190	113.049.854.079
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	32.710.838.843	(2.611.898.395)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(451.246.191.542)	(338.637.718.835)
06	Chi phí lãi vay	220.614.607.102	242.652.884.344
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	3.370.168.869.124	3.169.925.969.019
09	Tăng các khoản phải thu	(195.946.306.690)	(149.376.419.346)
10	Tăng hàng tồn kho	(46.681.784.461)	(10.604.315.963)
11	Tăng các khoản phải trả	267.553.912.514	728.391.045.412
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(163.800.101.791)	58.244.297.363
14	Tiền lãi vay đã trả	(207.449.283.488)	(266.651.533.130)
15	Thuế TNDN đã nộp	(512.008.960.980)	(393.383.073.361)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	380.000.000	273.300.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(188.234.523.914)	(170.658.205.766)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.323.981.820.314	2.966.161.064.228
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(1.317.869.922.328)	(1.365.363.912.227)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	972.727.280	2.319.671.825
23	Tiền chi cho vay	(17.751.319.095.049)	(10.670.371.811.940)
24	Tiền thu hồi cho vay	13.121.437.050.991	8.234.824.616.631
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	387.107.142.097	318.750.190.603
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.559.672.097.009)	(3.479.841.245.108)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu đi vay	12.492.358.508.370	7.470.167.158.464
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(8.470.024.023.558)	(6.075.033.768.164)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.035.376.187.700)	(802.773.659.150)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	2.986.958.297.112	592.359.731.150
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(248.731.979.583)	78.679.550.270
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 630.611.012.001	552.339.512.408
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(6.949.470.491)	(408.050.677)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 374.929.561.927	630.611.012.001



 Nguyễn Thị Thu Hương
 Người lập



 Đỗ Thị Hương
 Kế toán trưởng

 Vũ Thị Mai Hương
 Phó Tổng Giám đốc
 Chữ ký được ủy quyền
 Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103008784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2005. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101778163 thay đổi lần gần nhất (lần thứ 28) được cấp ngày 23 tháng 9 năm 2021.

Từ ngày 13 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sàn giao dịch chứng khoán UpCom với mã giao dịch cổ phiếu là FOX.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp các dịch vụ Internet, dịch vụ truyền hình trả tiền, dịch vụ cho thuê đường truyền, dịch vụ lưu trữ dữ liệu và các dịch vụ viễn thông khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 5 công ty con như sau (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4 công ty con):

Công ty con	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 31/12/2020	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1) Công ty CP Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)	Cung cấp dịch vụ Game online, báo điện tử, thanh toán điện tử	Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	56,51%	56,51%	56,51%	56,51%
2) Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận (CTTT)	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác	Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
3) Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác	Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
4) Công ty CP Công nghệ Viễn thông FPT (FCN)	Cung cấp các dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác	Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
5) Công ty TNHH Truyền hình FPT (được thành lập vào ngày 18/09/2021)	Cung cấp các dịch vụ truyền hình	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty và các công ty con có 9.859 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 9.401 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty và các công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty và các công ty con có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty và các công ty con có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty và các công ty con. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty và các công ty con sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty với nhau được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Công ty và các công ty con áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên thứ ba.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty và các công ty con trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty và các công ty con trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ. Tỷ lệ trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

Đối với khách hàng cá nhân:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Tỷ lệ trích lập</u>
Từ 12 tháng trở lên	100%
Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng	70%
Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng	50%
Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng	30%

Đối với khách hàng doanh nghiệp:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Tỷ lệ trích lập</u>
Từ 3 năm trở lên	100%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước, xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty và các công ty con thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty và các công ty con nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 25 năm
Máy móc thiết bị	3 – 15 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	3 – 8 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Giấy phép bán quyền và quyền khai thác là quyền khai thác các tuyến cáp quốc tế và được phân bổ vào chi phí theo thời hạn ghi trên giấy phép và hợp đồng quyền khai thác.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.12 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới. Các chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Chi phí vật tư triển khai dịch vụ internet	2,5 năm
Chi phí vật tư triển khai dịch vụ truyền hình	2 năm
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2 năm

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty và các công ty con xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay hợp nhất phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.16 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty và các công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty và các công ty con trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc. Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty và các công ty con không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Công ty và các công ty con ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính khi thực trả trợ cấp thôi việc cho người lao động.

2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản khách hàng trả trước tiền cước dịch vụ viễn thông trong nhiều kỳ tính cước. Công ty và các công ty con ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty và các công ty con sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ kế toán tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác nắm giữ bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty trước ngày 1 tháng 1 năm 2021, nhưng chưa bị huỷ bỏ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và các công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và các công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty và các công ty con sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán trong năm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí lãi vay. Chi phí tài chính được ghi nhận khi phát sinh trong năm.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của Công ty và các công ty con.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty và các công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân là các bên liên quan của Công ty và các công ty con khi trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty và các công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty và các công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty và các công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và các công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty và các công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty và các công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Ước tính dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.7 và 5);
- Ước tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 2.8 và 7); và
- Ước tính thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và 9); và
- Ước tính chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 28).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	71.762.880	99.197.904
Tiền gửi ngân hàng	101.744.955.808	79.614.039.839
Tiền đang chuyển	52.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	273.060.843.239	550.897.774.258
	<u>374.929.561.927</u>	<u>630.611.012.001</u>

(*) Các khoản tương đương tiền chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	11.236.439.412.400	11.236.439.412.400	6.606.557.368.342	6.606.557.368.342
Khác	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	11.238.439.412.400	11.238.439.412.400	6.608.557.368.342	6.608.557.368.342
ii. Dài hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 và dưới 12 tháng. Lãi suất các khoản tiền gửi được quy định cụ thể cho từng hợp đồng tiền gửi.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Sen Đò	3.684.980.000	(*) (3.684.980.000)	3.684.980.000	(*) (3.684.980.000)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ	6.000.000.000	(*) -	6.000.000.000	(*) -
Đầu tư FPT	9.684.980.000	(*) (3.684.980.000)	9.684.980.000	(*) (3.684.980.000)

(*) Trình bày giá trị hợp lý: Do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá cho các khoản đầu tư tài chính không có giá niêm yết trên thị trường. Do vậy, Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba (*)	1.362.322.621.100	1.197.817.832.745
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	28.693.490.913	13.969.093.526
	<u>1.391.016.112.013</u>	<u>1.211.786.926.271</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Biến động về dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	329.706.434.818	256.094.987.769
Tăng dự phòng	57.874.812.355	73.611.447.049
Số dư cuối năm	<u>387.581.247.173</u>	<u>329.706.434.818</u>

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	143.012.966.927	79.479.274.841
Khác	22.633.326.718	17.864.309.211
	<u>165.646.293.645</u>	<u>97.343.584.052</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	84.478.392.863	-	57.255.955.653	-
Nguyên vật liệu	518.505.745.054	(54.607.140.942)	531.744.426.534	(69.717.642.107)
Công cụ, dụng cụ	40.213.905.530	-	31.648.408.018	-
Hàng hóa	101.097.518.729	-	76.964.987.510	-
	<u>744.295.562.176</u>	<u>(54.607.140.942)</u>	<u>697.613.777.715</u>	<u>(69.717.642.107)</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(54.607.140.942)		(69.717.642.107)	
	<u>689.688.421.234</u>		<u>627.896.135.608</u>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm (Giảm)/tăng dự phòng	69.717.642.107 (15.110.501.165)	30.279.235.077 39.438.407.030
Số dư cuối năm	<u>54.607.140.942</u>	<u>69.717.642.107</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuê (bản quyền, văn phòng, kênh, đường truyền, cáp quang)	61.172.801.493	33.474.386.225
Khác	65.940.963.136	64.232.637.031
	<u>127.113.764.629</u>	<u>97.707.023.256</u>

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới (*)	1.398.739.456.211	1.298.458.977.223
Chi phí thuê văn phòng	312.726.774.761	322.276.771.623
Khác	231.262.889.768	187.600.011.476
	<u>1.942.729.120.740</u>	<u>1.808.335.760.322</u>

(*) Chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới là các chi phí thiết bị, vật tư triển khai dịch vụ internet, dịch vụ truyền hình và chi phí nhân công thuê ngoài lắp đặt các dịch vụ này cho khách hàng mới. Các chi phí này được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh theo thời gian hữu dụng ước tính (Thuyết minh 2.12).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

Mẫu số B 09 – DN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	204.379.334.540	8.251.014.682.598	252.929.720.127	20.407.928.739	8.728.731.666.004
Mua trong năm	1.149.716.968	1.012.303.147.521	16.718.411.763	1.788.057.621	1.031.959.333.873
Chuyển sang từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	-	165.402.577.365	-	-	165.402.577.365
Phân loại lại	-	39.163.887.580	(39.163.887.580)	-	-
Thiết bị, linh kiện tháo dỡ từ TSCĐ (*)	(23.256.990)	(369.426.190.062)	(42.024.386.199)	-	(411.473.833.251)
Thanh lý, xóa sổ	-	-	-	(3.469.507.453)	(3.469.507.453)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	205.505.794.518	9.098.458.105.002	188.459.858.111	18.726.478.907	9.511.150.236.538
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(58.782.191.929)	(4.107.914.823.994)	(243.367.628.864)	(14.114.910.400)	(4.424.179.555.187)
Khấu hao trong năm	(7.885.913.055)	(1.047.971.155.545)	(3.204.363.736)	(1.504.763.411)	(1.060.566.195.747)
Phân loại lại	-	(39.163.887.580)	39.163.887.580	-	-
Thiết bị, linh kiện tháo dỡ từ TSCĐ (*)	-	227.905.289.124	38.112.762.715	-	266.018.051.839
Thanh lý, xóa sổ	-	-	-	3.060.645.734	3.060.645.734
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	(66.668.104.984)	(4.967.144.577.995)	(169.295.342.305)	(12.559.028.077)	(5.215.667.053.361)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	145.597.142.611	4.143.099.858.604	9.562.091.263	6.293.018.339	4.304.552.110.817
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	138.837.689.534	4.131.313.527.007	19.164.515.806	6.167.450.830	4.295.483.183.177

(*) Thiết bị, linh kiện tháo dỡ từ TSCĐ là các thiết bị, linh kiện tháo dỡ từ hạ tầng viễn thông được thu hồi nhằm mục đích thanh lý hoặc tái sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.473.762.048.043 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.666.309.000.000 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (“TSCĐ”) (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy phép bản quyền và quyền khai thác VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	88.529.461.689	734.392.333.424	96.248.425.838	919.170.220.951
Mua trong năm	43.797.791.000	17.591.496.571	31.369.712.999	92.759.000.570
Tăng khác	-	-	5.900.000.000	5.900.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	132.327.252.689	751.983.829.995	133.518.138.837	1.017.829.221.521
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	(270.960.317.254)	(58.654.259.575)	(329.614.576.829)
Khấu hao trong năm	-	(52.572.153.180)	(17.257.178.817)	(69.829.331.997)
Tăng khác	-	-	(5.900.000.000)	(5.900.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	(323.532.470.434)	(81.811.438.392)	(405.343.908.826)
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	88.529.461.689	463.432.016.170	37.594.166.263	589.555.644.122
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	132.327.252.689	428.451.359.561	51.706.700.445	612.485.312.695

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 58.653.422.216 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 32.318.000.000 Đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2021 VND	2020 VND
Trung tâm dữ liệu FPT Telecom Tân Thuận	5.797.436.129	121.493.052.372
Trung tâm dữ liệu Quận 9	155.530.187.879	116.111.432.548
Hệ thống trục Bắc Nam	24.160.687.551	33.988.289.082
Các công trình hạ tầng viễn thông (*)	295.203.493.262	35.852.236.559
	<u>480.691.804.821</u>	<u>307.445.010.561</u>

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là các máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư đang trong quá trình triển khai, lắp đặt để hình thành các trạm viễn thông và các công trình hạ tầng viễn thông khác.

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	307.445.010.561	128.114.918.230
Mua sắm	339.401.678.505	285.787.000.708
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(165.402.577.365)	(105.117.415.045)
Khác	(752.306.880)	(1.339.493.332)
Số dư cuối năm	<u>480.691.804.821</u>	<u>307.445.010.561</u>

11 THUẾ TNDN HOÃN LẠI

	2021 VND	2020 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>5.705.551.007</u>	<u>29.519.994.930</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>10.248.476</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

11 THUẾ TNDN HOÃN LẠI (TIẾP THEO)

Biến động gộp về thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu năm	29.519.994.930	3.579.475.965
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(23.814.443.923)	25.940.518.965
Số dư cuối năm	<u>5.705.551.007</u>	<u>29.519.994.930</u>
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(10.248.476)	-
Số dư cuối năm	<u>(10.248.476)</u>	<u>-</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chủ yếu liên quan đến chênh lệch tạm thời về chi phí phải trả và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của phải thu khách hàng và tiền.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba (*)	1.327.892.965.934	1.325.438.857.019
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	189.477.547.500	185.731.729.160
- Khác	1.138.415.418.434	1.139.707.127.859
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	52.421.685.169	252.986.876.582
	<u>1.380.314.651.103</u>	<u>1.578.425.733.601</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Mẫu số B 09 – DN

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nợ Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a) Phải thu				
Thuế TNDN	9.444.092.790	-	-	9.444.092.790
Thuế thu nhập cá nhân	158.179.112	191.984.461	132.871.603	217.291.970
	<u>9.602.271.902</u>	<u>191.984.461</u>	<u>132.871.603</u>	<u>9.661.384.760</u>
(b) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	38.376.457.416	1.881.828.339.884	1.872.193.720.801	48.011.076.499
Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu	-	146.739.765.001	146.739.740.010	24.991
Thuế TNDN	138.808.796.214	458.846.923.319	512.008.960.980	85.646.758.553
Thuế nhà thầu	4.147.611.931	39.360.177.428	40.669.694.266	2.838.095.093
Thuế thu nhập cá nhân	5.237.740.890	160.544.987.318	158.514.671.540	7.268.056.668
Thuế nhập khẩu	-	3.737.621.930	3.737.372.019	249.911
Thuế môn bài	-	322.500.000	322.500.000	-
Thuế khác	-	31.341.996	31.341.996	-
	<u>186.570.606.451</u>	<u>2.691.411.656.876</u>	<u>2.734.218.001.612</u>	<u>143.764.261.715</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	76.407.966.009	63.242.642.395
Khác (*)	125.960.790.991	200.660.665.552
	<u>202.368.757.000</u>	<u>263.903.307.947</u>

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là các khoản chi phí phải trả cho việc thuê kênh, thuê đường truyền, quỹ viễn thông công ích và các chi phí phải trả khác.

15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**(a) Ngắn hạn**

	2021 VND	2020 VND
Tiền trả trước của khách hàng cho dịch vụ viễn thông	1.377.808.677.041	1.212.664.763.295
Khác	2.660.804.088	1.772.803.996
	<u>1.380.469.481.129</u>	<u>1.214.437.567.291</u>

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Tiền trả trước của khách hàng cho dịch vụ viễn thông	7.633.889.103	6.064.949.466
Khác	33.240.076.552	35.012.880.664
	<u>40.873.965.655</u>	<u>41.077.830.130</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	2.020.158.874	548.760.756.133
Ký quỹ, ký cược	106.537.314.764	110.599.605.664
Các khoản trích theo lương	14.741.594.677	18.681.827.091
Khác	78.835.638.223	70.772.120.209
	<u>202.134.706.538</u>	<u>748.814.309.097</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Mẫu số B 09 – DN

17 VAY

(a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỉ giá VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.203.169.378.377	11.734.896.504.765	(8.132.778.956.823)	25.404.519.400	8.830.691.445.719
Nợ dài hạn ngân hàng đến hạn trả	323.046.555.009	256.122.349.918	(337.245.066.735)	-	241.923.838.192
	<u>5.526.215.933.386</u>	<u>11.991.018.854.683</u>	<u>(8.470.024.023.558)</u>	<u>25.404.519.400</u>	<u>9.072.615.283.911</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn đáo hạn dưới 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể cho từng lần rút vốn.

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay dài hạn ngân hàng	243.333.575.599	757.462.003.605	(256.122.349.918)	744.673.229.286

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư vay dài hạn ngân hàng bao gồm khoản vay từ ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn đáo hạn trên 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể cho từng lần rút vốn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2021 Cổ phiếu phổ thông	2020 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	328.369.553	273.646.461
Số lượng cổ phiếu quỹ	30.015	30.015
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>328.339.538</u>	<u>273.616.446</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	164.742.021	50,17	137.285.018	50,17
Công ty Cổ phần FPT	149.907.458	45,65	124.922.882	45,65
Các cổ đông khác	13.690.059	4,17	11.408.546	4,17
	<u>328.339.538</u>	<u>99,99</u>	<u>273.616.446</u>	<u>99,99</u>
Cổ phiếu quỹ	30.015	0,01	30.015	0,01
	<u>328.369.553</u>	<u>100</u>	<u>273.646.461</u>	<u>100</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần của chủ sở hữu VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	2.487.724.840.000	20.391.591.930	-	(300.150.000)	599.601.897.399	34.572.210.000	1.566.505.241.188	314.204.538.249	5.022.700.168.766
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.575.015.838.802	88.884.571.522	1.663.900.410.324
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(1.318.334.276.000)	(32.040.935.000)	(1.350.375.211.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	248.739.770.000	-	20.819.390.000	-	-	-	(269.559.160.000)	-	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	225.171.467.068	-	(225.171.467.068)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(161.665.416.151)	(8.888.492.075)	(170.553.908.226)
Khác	-	71.166.343	34.572.210.000	-	-	(34.572.210.000)	(84.577.853.967)	(2.909.061.530)	(87.415.749.154)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.736.464.610.000	20.462.758.273	55.391.600.000	(300.150.000)	824.773.364.467	-	1.082.212.906.804	359.250.621.166	5.078.255.710.710
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.820.124.198.555	95.713.437.479	1.915.837.636.034
Chia cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	-	-	-	(328.339.538.000)	(160.203.740.000)	(488.543.278.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	547.230.920.000	-	-	-	-	-	(547.230.920.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	-	-	-	(202.831.768.185)	(9.571.389.419)	(212.403.157.604)
Khác	-	-	-	-	-	-	(2.212.546.845)	(1.936.063.582)	(4.148.610.427)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	3.283.695.530.000	20.462.758.273	55.391.600.000	(300.150.000)	824.773.364.467	-	1.821.722.332.329	283.252.865.644	6.288.998.300.713

(i) Căn cứ theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT/FTEL của Hội đồng Quản trị ngày 14 tháng 9 năm 2021, Hội đồng Quản trị phê duyệt phương án tạm ứng chia cổ tức bằng tiền với mức 10% mệnh giá với tổng giá trị là 328.339.538.000 Đồng.

(ii) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ – ĐHCĐ/FTEL của Đại hội đồng Cổ đông ngày 31 tháng 3 năm 2021, cổ đông phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5:1 với giá trị phát hành theo mệnh giá là 547.230.920.000 Đồng.

(iii) Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ/FTEL của Đại hội đồng Cổ đông ngày 31 tháng 3 năm 2021 thông qua kế hoạch năm 2021, trong đó trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi không quá 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2021. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 với số tiền 202.831.768.185 Đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

20 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2021	2020 (Trình bày lại (*))
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.820.124.198.555	1.575.015.720.730
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(202.831.768.175)	(161.665.416.151)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.617.292.430.380	1.413.350.304.579
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	328.339.538	328.339.538
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	4.926	4.305

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được tính lại do ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2020		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.575.015.720.730	-	1.575.015.720.730
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(161.665.416.151)	-	(161.665.416.151)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.413.350.304.579	-	1.413.350.304.579
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	273.616.446	54.723.092	328.339.538
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.165		4.305

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu do Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 10.878.288 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 9.738.382 Đô la Mỹ).

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	2021 VND	2020 VND
Việt Nam Đồng (VND)	173.352.943.517	170.712.469.470

22 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	897.904.625.893	494.190.471.744
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.800.229.355.446	10.993.620.823.657
	<u>12.698.133.981.339</u>	<u>11.487.811.295.401</u>
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(48.948.000)	(452.590.000)
Chiết khấu thương mại và các khoản giảm trừ khác	(11.668.782.878)	(21.204.490.799)
	<u>(11.717.730.878)</u>	<u>(21.657.080.799)</u>
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần về bán hàng	897.855.677.893	493.737.881.744
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	11.788.560.572.568	10.972.416.332.858
	<u>12.686.416.250.461</u>	<u>11.466.154.214.602</u>

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	811.261.417.000	488.508.243.626
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.801.984.534.708	5.409.454.015.543
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 7)	(15.110.501.165)	39.438.407.030
	<u>6.598.135.450.543</u>	<u>5.937.400.666.199</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	445.640.323.653	338.605.711.422
Lãi chênh lệch tỷ giá	45.564.885.276	15.663.074.638
Cổ tức nhận được từ đầu tư vào các đơn vị khác	5.000.000.000	-
	<u>496.205.208.929</u>	<u>354.268.786.060</u>

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	220.614.607.102	242.652.884.344
Lỗ chênh lệch tỷ giá	80.130.120.002	13.018.544.628
	<u>300.744.727.104</u>	<u>255.671.428.972</u>

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	1.485.799.317.670	1.326.991.186.167
Quảng cáo, tiếp thị	284.046.612.522	292.197.483.450
Khác	114.693.268.311	90.706.562.924
	<u>1.884.539.198.503</u>	<u>1.709.895.232.541</u>

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	1.482.404.386.717	1.214.189.660.144
Khác (*)	527.443.895.414	639.512.048.529
	<u>2.009.848.282.131</u>	<u>1.853.701.708.673</u>

(*) Bao gồm chủ yếu trong khoản mục này là chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dự phòng khoản phải thu khó đòi, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí quản lý doanh nghiệp khác. Không có khoản mục chi phí nào có giá trị chiếm hơn 10% trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty và các công ty con khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.394.929.775.787	2.074.035.937.485
Thuế tính ở thuế suất 20%	478.985.955.157	414.807.187.497
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(1.000.000.000)	-
Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	975.868.554	(5.090.729.657)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	130.316.042	419.187.393
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>479.092.139.753</u>	<u>410.135.645.233</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	458.846.923.319	436.076.164.198
Thuế TNDN - hoãn lại	20.245.216.434	(25.940.518.965)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>479.092.139.753</u>	<u>410.135.645.233</u>

(*) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2021 VND	2020 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.041.293.767.872	1.791.314.290.776
Chi phí nhân viên	3.927.312.894.173	3.347.712.937.794
Khấu hao TSCĐ	1.130.395.527.744	1.081.436.910.341
Dịch vụ mua ngoài	2.836.588.719.210	2.627.382.333.395
Khác	556.932.022.177	653.151.135.105
	<u>10.492.522.931.176</u>	<u>9.500.997.607.411</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

30 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm hoạt động chủ yếu của Công ty và các công ty con là cung cấp các dịch vụ viễn thông (bao gồm dịch vụ Internet, truyền hình trả tiền, quảng cáo trực tuyến, cho thuê đường truyền và lưu trữ dữ liệu và các dịch vụ viễn thông khác khác). Doanh thu và lợi nhuận từ bán hàng hóa chiếm dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty và các công ty con. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn hàng bán, cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh 22 và Thuyết minh 23.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty và các công ty con có giao dịch chủ yếu được thực hiện với các bên liên quan dưới đây:

Bên liên quan (*)	Quan hệ
Công ty Cổ phần FPT	Công ty mẹ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH (SCIC)	Cổ đông chính
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	Công ty con của Công ty mẹ
Trường Đại học FPT	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	Công ty liên kết của Công ty mẹ

(*) Số liệu của bên liên quan được trình bày trong thuyết minh này bao gồm số liệu của công ty và công ty thành viên trực thuộc công ty đó (nếu có).

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2021	2020
	VND	VND
i) Bán hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	217.620.791.056	21.881.764.654
Công ty TNHH Phần mềm FPT	58.394.601.804	35.230.979.499
Công ty Cổ phần FPT	25.166.632.226	26.984.724.460
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	23.838.160.988	17.212.553.787
Trường Đại học FPT	16.349.906.989	11.382.216.671
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	10.324.263.264	5.945.455
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	5.374.953.745	6.483.358.491
Các công ty khác	2.318.830.315	2.297.405.256
	<u>359.388.140.387</u>	<u>121.478.948.273</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
ii) Mua TSCĐ, hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	414.292.529.096	235.231.604.496
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	298.976.810.256	247.546.512.820
Công ty Cổ phần FPT	93.156.534.164	70.739.587.309
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	34.536.527.594	105.912.480
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	17.766.891.283	6.197.390.745
Công ty TNHH Phần mềm FPT	5.205.549.690	1.517.737.446
Các công ty khác	62.226.130	190.909.091
	<u>863.997.068.213</u>	<u>561.529.654.387</u>
iii) Chia cổ tức bằng cổ phiếu		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	274.570.030.000	124.804.560.000
Công ty Cổ phần FPT	249.845.760.000	113.566.250.000
Các cổ đông khác	22.815.130.000	10.368.960.000
	<u>547.230.920.000</u>	<u>248.739.770.000</u>
iv) Chia cổ tức bằng tiền		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	164.742.021.000	661.464.178.000
Công ty Cổ phần FPT	237.801.258.000	619.479.920.000
Các cổ đông khác	13.690.059.000	54.643.558.600
	<u>416.233.338.000</u>	<u>1.335.587.656.600</u>
v) Nhận cổ tức bằng tiền		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	<u>5.000.000.000</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2021 VND	2020 VND
vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Hội đồng Quản trị			
Hoàng Nam Tiến	Chủ tịch	-	-
Chu Thị Thanh Hà	Thành viên	-	-
Trương Gia Bình	Thành viên	-	-
Lê Ngọc Diệp	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	-	-
Phạm Công Minh	Thành viên	60.000.000	60.000.000
		<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>
Ban kiểm soát			
Nguyễn Lương Tâm	Trưởng ban	-	-
Phan Phương Đạt	Thành viên	-	-
Đỗ Xuân Phúc	Thành viên	24.000.000	24.000.000
		<u>24.000.000</u>	<u>24.000.000</u>
Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Hoàng Việt Anh	Tổng Giám đốc	2.242.000.000	2.040.000.000
Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc	1.680.000.000	1.530.000.000
Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc	1.680.000.000	1.530.000.000
Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	1.680.000.000	1.530.000.000
Hoàng Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2020)	-	300.000.000
Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 7 tháng 9 năm 2020)	-	1.050.000.000
Đỗ Thị Hương	Kế toán trưởng	1.344.000.000	1.224.000.000
		<u>8.626.000.000</u>	<u>9.204.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
i) Tiền gửi tại tài khoản tập trung FPT		
Công ty Cổ phần FPT	28.041.134	1.064.190.977
ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	18.232.500.803	2.975.088.856
Công ty TNHH Phần mềm FPT	4.646.782.283	4.518.541.537
Công ty Cổ phần FPT	4.006.762.922	6.475.463.133
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	386.563.475	-
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	279.003.499	-
Khác	1.141.877.931	-
	<u>28.693.490.913</u>	<u>13.969.093.526</u>
iii) Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Phần mềm FPT	4.521.000.000	4.521.000.000
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	-	192.321.244
Công ty Cổ phần FPT	-	510.531
	<u>4.521.000.000</u>	<u>4.713.831.775</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	24.073.613.383	19.811.031.157
Công ty Cổ phần FPT	20.530.794.083	17.552.429.700
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	4.902.747.464	214.052.599.391
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	1.147.486.002	399.999.994
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	735.428.462	-
Công ty TNHH Phần mềm FPT	965.742.919	1.170.816.340
Khác	65.872.856	-
	<u>52.421.685.169</u>	<u>252.986.876.582</u>
v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Thu hộ bên liên quan	92.312.441	-
Lợi nhuận và cổ tức phải trả	1.927.846.433	548.760.756.133
Trong đó:		
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	-	274.570.036.000
- Công ty Cổ phần FPT	-	249.845.764.000
- Các cổ đông khác	1.927.846.433	24.344.956.133
	<u>2.020.158.874</u>	<u>548.760.756.133</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

32 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty và các công ty con phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	154.733.482.338	137.965.916.324
Từ 1 năm đến 5 năm	265.377.645.194	357.555.017.135
Trên 5 năm	28.753.606.150	54.308.658.046
	<u>448.864.733.682</u>	<u>549.829.591.505</u>
Tổng cộng các khoản phải thanh toán tối thiểu	<u>448.864.733.682</u>	<u>549.829.591.505</u>

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2021 VND	2020 VND
Trung tâm dữ liệu	68.280.393.396	105.593.619.225
TSCĐ khác	1.206.743.710	-
	<u>69.487.137.106</u>	<u>105.593.619.225</u>

33 NỢ TIỀM TÀNG

Nghĩa vụ hoàn nguyên đất thuê

Công ty và các công ty con ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê. Theo các hợp đồng thuê đất, nếu Bên cho thuê yêu cầu Công ty và các công ty con dọn khỏi đất thuê hoặc tháo dỡ công trình xây dựng, vật kiến trúc và các tài sản khác của Công ty và các công ty con trên đất thuê, và nếu Công ty và các công ty con từ chối thực hiện các công việc nói trên, thì Công ty và các công ty con được xem như đã chỉ định Bên cho thuê hành động với tư cách là đại lý của mình và ủy quyền cho Bên cho thuê xử lý các công việc hoàn nguyên đó; và việc giải quyết tài sản gắn liền với đất thuê sau khi kết thúc hợp đồng thuê được thực hiện theo quy định của pháp luật. Do vậy, nghĩa vụ hoàn nguyên của Công ty và các công ty con đối với đất thuê là chưa được xác nhận tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

34 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số chỉ tiêu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được phân loại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích lược):

Mã số		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		
		Số liệu đã báo cáo VND	Phân loại lại (*) VND	Số liệu phân loại lại VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	9.350.395.231.681	(346.556.488.455)	9.003.838.743.226
150	Tài sản ngắn hạn khác	481.596.804.114	(346.556.488.455)	135.040.315.659
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	444.263.511.711	(346.556.488.455)	97.707.023.256
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	6.730.573.747.199	346.556.488.455	7.077.130.235.654
260	Tài sản dài hạn khác	1.491.299.266.797	346.556.488.455	1.837.855.755.252
261	Chi phí trả trước dài hạn	1.461.779.271.867	346.556.488.455	1.808.335.760.322

(*) Phân loại chi phí trả trước ngắn hạn sang chi phí trả trước dài hạn để phản ánh việc phân bổ chi phí triển khai dịch vụ cho thuê bao mới theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (trích lược):

Mã số		Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2020		
		Số liệu đã báo cáo VND	Phân loại lại (**) VND	Số liệu phân loại lại VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.552.202.993.487	(64.391.698.086)	11.487.811.295.401
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	86.048.778.885	(64.391.698.086)	21.657.080.799
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	11.466.154.214.602	-	11.466.154.214.602
11	Giá vốn hàng bán	5.741.082.917.095	196.317.749.104	5.937.400.666.199
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	5.725.071.297.507	(196.317.749.104)	5.528.753.548.403
25	Chi phí bán hàng	1.493.198.318.513	216.696.914.028	1.709.895.232.541
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.266.716.371.805	(413.014.663.132)	1.853.701.708.673

(**) Bao gồm:

- Phân loại lại chi phí nhân viên từ chi phí quản lý doanh nghiệp sang chi phí bán hàng: 216.696.914.028 Đồng.
- Phân loại lại chi phí thuê cột, chi phí sửa chữa bảo dưỡng liên quan trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ từ chi phí quản lý doanh nghiệp sang giá vốn hàng bán: 196.317.749.104 Đồng.
- Cấn trừ doanh thu và giảm trừ doanh thu: 64.391.698.086 Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

35 PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con đã được Phó Tổng Giám đốc của Công ty (theo ủy quyền của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty) phê chuẩn ngày 4 tháng 3 năm 2022.



Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập



Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hương
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền



DANH BẠ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT (FPT ELECOM)

TRỤ SỞ CHÍNH:

Tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 phố Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

VĂN PHÒNG HÀ NỘI:

Tầng 5, Tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch,
Cầu Giấy, Hà Nội

VĂN PHÒNG HỒ CHÍ MINH:

Lô 37-39A, đường 19, KCX, Q.7, Hồ Chí Minh

ĐIỆN THOẠI: (84-24)-7300 2222

FAX: (84-24)-37950047




WEBSITE: www.fpt.vn

FACEBOOK: www.facebook/FptTelecom


CÔNG TY THÀNH VIÊN

01

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT Tại Hà Nội:




-  Tầng 12A, tòa nhà TNR 54A Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội.
-  Điện thoại: (84-24) 7300 2222
-  Fax: (84-24) 3726 4648

Tại TP HCM:





-  Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM
-  Điện thoại: (84-28) 7300 2222
-  Fax: (84-28) 6297 1197
-  Website: www.fpt-fti.vn

02

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT Tại Hà Nội




-  Tầng 4-5, Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
-  Điện thoại: +84 - 4 - 7300 9999
-  Fax: +84 - 4 - 7300 9998

Tại TP HCM:

-  Tầng 6-7, Tòa nhà Exchange Tower, số 1 Nam KỶ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
-  Điện thoại: +84 - 8 - 7300 9999
-  Fax: + 84 - 8 - 7300 9998
-  Website: <https://fptonline.net/>

03

CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN

-  Lô L29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q7, Tp. HCM
-  Điện thoại: (84-28) 7300 2222
-  Fax: (84-28) 7300 8889




04

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT

-  Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Q9, Tp. HCM
-  Điện thoại: (84-28) 7300 2222
-  Fax: (84-28) 7300 8889

05

CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH FPT

-  124 Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
-  Điện thoại: (84-28) 7300 2222
-  Fax: (84-28) 7300 8889

CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN BẮC

Văn phòng Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Tầng 9, FPT Tower, Số 10 Phạm Văn Bạch, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Chi nhánh Bắc Giang - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT

Số nhà 47, Đường Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, TP.Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Căn L03, Tòa Nhà Thương Mại V-City, Đường Lê Thái Tổ, Phường Võ Cường, Thành Phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Chi nhánh Cao Bằng - Công ty cổ phần viễn thông FPT

Số 008, Phố Kim Đồng, Tổ 15, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng Việt Nam

Chi nhánh Điện Biên - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT

Số 584, đường Võ Nguyên Giáp, tổ 1, P.Tân Thanh, TP.Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Chi nhánh Hà Nam - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT

PG02-05 khu nhà liền kề Vincom, đường Châu Cầu, phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Số 115 Nguyễn Biểu, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chi nhánh Hải Dương- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT

Số 16+18 Bà Triệu, phường Phạm Ngũ Lão, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, VN.

Chi nhánh Hải Phòng- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT

Số 20 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Hòa Bình- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Số nhà 313, đường Trần Hưng Đạo, Xã Sủ Ngòi, Thành Phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

Chi nhánh Hưng Yên- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Bản Yên Nhân, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chi nhánh Lạng Sơn - Công ty cổ phần viễn thông FPT

Số 322 đường Bà Triệu, phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Chi nhánh Lào Cai - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số nhà 228, đường Hoàng Liên, tổ 36, Phường Cốc Lếu, Thành Phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Chi nhánh Nam Định- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Số 6 đường Đông A, Khu đô thị Hòa Vượng, P. Lộc Vượng, TP. Nam Định, T. Nam Định, Việt Nam

Chi nhánh Nghệ An - Công ty cổ phần Viễn Thông FPT

Số 38 Khu đô thị Trung Đô, Đại Lộ Lê Nin, P.Hưng Dũng, TP.Vinh, T.Nghệ An

Chi Nhánh Ninh Bình - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT

SN195, đường Lê Đại Hành, Phố Thanh Sơn, P.Thanh Bình, TP.Ninh Bình, T.Ninh Bình

Chi Nhánh Phú Thọ- Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 1221 Đại lộ Hùng Vương, P. Tiên Cát, TP. Việt Trì, T. Phú Thọ

Chi nhánh Quảng Ninh- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số 177 Nguyễn Văn Cừ,Tổ 4 Khu 1B, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Sơn La - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Số nhà 08, đường Nguyễn Lương Bằng, Tổ 4, Phường Quyết Thắng, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La
Chi nhánh Thái Bình- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số 168 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 46, P. Bồ Xuyên, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, VN
Chi nhánh Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Số 156 - Lương Ngọc Quyến, Tổ 13, P. Quang Trung, TP Thái Nguyên, T. Thái Nguyên
Chi nhánh Thanh Hóa- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Lô 09 khu nhà ở Thương Mại,Đ. Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, VN
Chi nhánh Tuyên Quang-Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Số 118 đường Trần Phú, tổ 17, phường Tân Quang, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Vĩnh Phúc- Công ty cổ phần Viễn Thông FPT	Số nhà 18, Đường Nguyễn Trãi, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Chi nhánh Yên Bái - Công ty cổ phần viễn thông FPT	Nhà phố thương mại số LK-D04, Tổ 8, Phường Minh Tân, Tp. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN TRUNG

Chi nhánh Bình Định - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Số 94 Đường Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	182-184 Đường 2/9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	96 Phan Chu Trinh, Phường Thắng Lợi, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
Chi nhánh Gia Lai - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	67 Tầng Bạt Hồ - P. Yên Đỗ, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Huế - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	46 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Ninh, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Khánh Hòa-Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Tầng 1,2 tòa nhà 42 Lê Thành Phương, P. Phương Sài, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa, Việt Nam
Chi Nhánh Kon Tum - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	128 Phan Chu Trinh - Phường Quyết Thắng - TP Kon Tum - Tỉnh Kon Tum
Chi nhánh Phú Yên - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	Số A11, Khu đô thị Hưng Phú, đường Trần Phú, phường 5, Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Quảng Bình - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	Số 22 Trần Hưng Đạo - P.Đồng Phú - TP.Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình - VN
Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	540 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam, VN
Chi nhánh Quảng Ngãi - Công ty Cổ phần viễn thông FPT	249 Phan Bội Châu - P.Trần Hưng Đạo - TP.Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi - Việt Nam
Chi nhánh Quảng Trị - Công ty cổ phần viễn thông FPT	Số 20 Lê Lợi, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC KHU VỰC MIỀN NAM

Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Lô 37-39A, Đường 19, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM, VN

Chi Nhánh An Giang - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

132 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Chi Nhánh Bạc Liêu - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

43B, Đường Trần Huỳnh, Phường 7, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, VN

Chi Nhánh Bến Tre - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

285K Khu Phố 3, Phường Phú Tân, Thành Phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Chi Nhánh Bình Dương - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Ô 9, 10, Lô B1, Đường D9, KDC Chánh Nghĩa, P. Chánh Ng- hĩa , TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chi nhánh Bình Phước - Công ty cổ phần viễn thông FPT

498 Quốc Lộ 14, Khu Phố Phú Thịnh, Phường Tân Phú, Thành Phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chi Nhánh Bình Thuận - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

07 Tuyên Quang, Phường Bình Hưng, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Chi Nhánh Cà Mau - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

55 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Chi Nhánh Cần Thơ - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

118 Mậu Thân Phường An Nghiệp, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam

Chi Nhánh Đồng Nai - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

196 Hà Huy Giáp, KP1, P Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai

Chi Nhánh Đồng Tháp - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

04 Đường Lý Thường Kiệt , Phường 1 , TP. Cao Lãnh , Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Chi Nhánh Hậu Giang - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 10 Ngô Quốc Trị, KV3, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Chi Nhánh Kiên Giang - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 259 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Vĩnh Thanh, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Chi Nhánh Lâm Đồng - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

36 Pasteur, Phường 4, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Chi Nhánh Long An- Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

142 Hùng Vương, phường 2, TP. Tân An, T. Long An

Chi Nhánh Ninh Thuận - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 256 Ngô Gia Tự, P. Tấn Tài, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

Chi Nhánh Sóc Trăng - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

33 Trần Hưng Đạo, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Chi Nhánh Tây Ninh - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 476 Đường 30/4, Khu phố 5, Phường 3, Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Chi Nhánh Tiền Giang - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

284 Ấp Bắc, Phường 10, Tp. Mỹ Tho, T. Tiền Giang

Chi nhánh Trà Vinh - Công ty cổ phần viễn thông FPT

Số 45, Nguyễn Đàng, Khóm 6, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Chi Nhánh Vĩnh Long - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

68/11A Phạm Thái Bường, Phường 4, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Chi Nhánh Vũng Tàu - Công Ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Số 186 Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam



**THANK
YOU.**

